



BÁO CÁO

TIẾP CẬN DỊCH VỤ HỖ TRỢ KINH DOANH ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NỮ TẠI VIỆT NAM

MỤC LỤC

1.	Lời mở đầu	6
2.	Mục tiêu.....	8
3.	Phương pháp.....	8
4.	Những giới hạn.....	8
5.	Bối cảnh.....	10
5.1	DNNVV Việt Nam và sự đóng góp cho nền kinh tế.....	10
5.2	Thách thức mà khối DNNVV đối mặt	11
5.3	Quy định của pháp luật về hỗ trợ DNNVV tại Việt Nam	12
5.4	Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cho các DNNVV	15
5.5	Phụ nữ và DNNVV.....	20
6.	Doanh nghiệp nữ tại Việt Nam	21
6.1	Thông tin chung.....	21
6.2	Doanh nghiệp nữ trong điều tra PCI.....	22
6.2.1.	Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	22
6.2.2.	Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	28
6.2.3.	Khó khăn của doanh nghiệp.....	29
7.	Tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cho doanh nghiệp nữ	32
7.1	Quy định pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	32
7.2	Nhận thức về DVHTKD.....	35
7.3	Thực tiễn và thị trường cung cấp DVHTKD cho doanh nghiệp nữ.....	38
7.3.1	DVHTKD chủ yếu do khối đơn vị công cung cấp	39
7.3.2	DVHTKD và hỗ trợ doanh nghiệp do Hội Liên hiệp phụ nữ cung cấp	41
7.3.3	DVHTKD do các hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp cung cấp	43
7.3.4	DVHTKD do các Viện, tổ chức phi Chính phủ, các dự án cung cấp.	45
7.4	Chất lượng của các DVHTKD	46
7.4.1	Chất lượng của dịch vụ do khối công lập cung cấp.....	46
7.4.2	Chất lượng của dịch vụ do khối tư nhân cung cấp.....	50
7.5	Thực tiễn tốt về cung cấp DVHTKD cho các doanh nghiệp nữ	51

7.5.1 Xây dựng khung chiến lược về phát triển doanh nghiệp nữ (kinh nghiệm của nước Anh)	52
7.5.2 Sự vào cuộc của các tổ chức trong xã hội (Thực tiễn tốt ở Western Cape - Nam Phi).....	53
7.5.3 Doanh nghiệp xã hội hoạt động vì doanh nghiệp nữ (thực tiễn tốt ở Hoa Kỳ)	54
7.5.5 Mô hình "tổ chức một cửa"/vườn ươm kinh doanh	55
7.5.6 Xây dựng mạng lưới.....	57
7.5.7 Ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, tập huấn nội dung đa dạng	58
8. Kết luận và kiến nghị	60
8.1 Tăng cường nhận thức về tầm quan trọng của doanh nghiệp nữ và DVHTKD đối với doanh nghiệp nữ.....	61
8.2 Hoàn thiện hệ thống pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nữ	61
8.3 Xây dựng các mô hình đào tạo, phương thức hỗ trợ thích hợp.....	62
8.4 Tăng cường đào tạo và ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống tài nguyên trực tuyến.....	62
8.5 Xã hội hóa các đơn vị cung cấp DVHTKD, tăng cường phối hợp giữa các đơn vị, tổ chức cung cấp DVHTKD	63
8.6 Đẩy mạnh công khai, minh bạch thông tin về hỗ trợ doanh nghiệp	64
8.7 Nâng cao năng lực cho các tổ chức đại diện doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nữ	64
8.8 Xây dựng mạng lưới	65
8.9 Thành lập Trung tâm hỗ trợ phụ nữ trong kinh doanh/ Vườn ươm doanh nghiệp nữ.....	66
8.10 Cần có dữ liệu thống kê phân tách giới.....	66

Danh mục Hình

Hình 1: Đóng góp của DNNVV vào tăng trưởng kinh tế	11
Hình 2: Hệ thống thể chế hỗ trợ DNNVV tại Việt Nam.....	15
Hình 3: Tỷ lệ doanh nghiệp làm ăn có lãi so sánh theo có sử dụng DVHTKD....	18
Hình 4: Tỷ lệ doanh nghiệp sẽ mở rộng quy mô SXKD so sánh theo có sử dụng DVHTKD	19
Hình 5: Nhu cầu sử dụng DVHTKD của doanh nghiệp	19
Hình 6: Tỷ lệ doanh nghiệp theo giới trong điều tra PCI 2017	22
Hình 7: Phân loại lĩnh vực hoạt động theo giới của chủ doanh nghiệp	23
Hình 8: Phân bố giới của chủ doanh nghiệp theo lĩnh vực hoạt động	23
Hình 9: Phân bố giới của chủ doanh nghiệp theo vùng	24
Hình 10: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ theo tỉnh trong vùng Miền núi phía Bắc.....	24
Hình 11: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ theo tỉnh trong vùng Đồng bằng Sông Hồng	24
Hình 12: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ theo tỉnh trong vùng Duyên hải miền Trung	25
Hình 13: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ theo tỉnh trong vùng Tây Nguyên ..	25
Hình 14: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ theo tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ	25
Hình 15: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ theo tỉnh trong vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.....	25
Hình 16: Phân loại lĩnh vực hoạt động theo giới của chủ doanh nghiệp	26
Hình 17: Phân bố giới của chủ doanh nghiệp theo lĩnh vực hoạt động	26
Hình 18: Phân loại quy mô doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp	27
Hình 19: Phân bố giới của chủ doanh nghiệp theo quy mô doanh nghiệp	28
Hình 20: Tình hình sản xuất kinh doanh theo giới của chủ doanh nghiệp	28
Hình 21: Triển vọng kinh doanh trong 2 năm tới theo giới của chủ doanh nghiệp	29
Hình 22: Những khó khăn của doanh nghiệp do nữ làm chủ	30
Hình 23: Khó khăn của doanh nghiệp do nữ làm chủ theo quy mô doanh nghiệp.....	30
Hình 24: Tình hình sản xuất kinh doanh theo giới của chủ doanh nghiệp	31

Hình 25: Triển vọng kinh doanh trong 2 năm tới theo giới của chủ doanh nghiệp	31
Hình 26: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ nhận biết về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương.....	35
Hình 27: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ nhận biết về các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương (theo quy mô doanh nghiệp)	35
Hình 28: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ nhận biết về các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương (theo lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp).....	35
Hình 29: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ cho biết có đủ điều kiện được hưởng một trong các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	36
Hình 30: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ có đủ điều kiện được hưởng một trong các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (theo lĩnh vực hoạt động doanh nghiệp)	37
Hình 31: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ có đủ điều kiện được hưởng một trong các chính sách tại hỗ trợ doanh nghiệp (theo quy mô của doanh nghiệp)...	37
Hình 32: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ đang được hưởng một trong các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (theo lĩnh vực hoạt động doanh nghiệp).....	38
Hình 33: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ đang được hưởng một trong các chính sách tại hỗ trợ doanh nghiệp (theo quy mô của doanh nghiệp)	38
Hình 34: Nhận định của doanh nghiệp do nữ làm chủ về thủ tục, hồ sơ để nhận được các chính sách hỗ trợ.....	40
Hình 35: Đánh giá của doanh nghiệp do nữ làm chủ theo quy mô doanh nghiệp về chất lượng hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp ở địa phương	47
Hình 36: Đánh giá của doanh nghiệp do nữ làm chủ trong các lĩnh vực về chất lượng hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp ở địa phương.....	47
Hình 37: Điểm số đánh giá hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của các tỉnh (phân tách theo giới của chủ doanh nghiệp)	48

1. Lời mở đầu

Chương trình “Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam” (Aus4Reform) được thực hiện theo Thỏa thuận tài trợ ngày 21 tháng 11 năm 2017 giữa Chính phủ Australia và Chính phủ Việt Nam nhằm mục tiêu nhằm hỗ trợ các cơ quan Việt Nam đạt được các mục tiêu của Đề án tái cơ cấu kinh tế của Chính phủ Việt Nam, cụ thể là xây dựng nền kinh tế có năng lực cạnh tranh quốc tế với năng suất lao động tăng, mức độ tham nhũng giảm, thu nhập và việc làm tăng nhanh hơn. Chương trình Aus4Reform sẽ tài trợ cho các nghiên cứu, tham vấn, đánh giá và phổ biến thông tin về các vấn đề chính sách quan trọng, bao gồm giảm các rào cản pháp lý đối với doanh nghiệp, xây dựng khuôn khổ chính sách cạnh tranh mới, phê duyệt và thực hiện luật cạnh tranh sửa đổi phù hợp với cam kết quốc tế, tái cơ cấu kinh tế nông thôn, và nâng cao năng lực lập kế hoạch và triển khai các cải cách kinh tế.

Trong khuôn khổ của Chương trình, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm thực hiện Dự án (Cấu phần 4) **Tăng cường tiếng nói của doanh nghiệp trong thực hiện tái cơ cấu kinh tế** với các mục tiêu:

- (1) Tăng cường tiếng nói của Cộng đồng doanh nghiệp trong giám sát và thực hiện các kế hoạch tái cơ cấu kinh tế của Chính phủ, thúc đẩy hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, thuận lợi; và
- (2) Thúc đẩy nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ (women economic empowerment).

Báo cáo sơ bộ **“Tiếp cận dịch vụ hỗ trợ kinh doanh đối với doanh nghiệp nữ”** này được thực hiện trong phạm vi mục tiêu thứ hai về thúc đẩy nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ, nhằm tìm hiểu thực trạng cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh (business development services) đối với các doanh nghiệp nữ và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả của dịch vụ hỗ trợ để thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp nữ phát triển.

Nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ, nâng cao vị thế lãnh đạo cho nữ giới và bình đẳng giới được coi là một trong những cách thức nâng cao năng suất xã hội, hướng tới nền kinh tế bền vững hơn. Khuyến khích sự tham gia của phụ nữ vào kinh doanh có ảnh hưởng tích cực tới sự phát triển kinh tế xã hội, tạo việc làm, giảm nghèo, đóng góp hiệu quả cho trách nhiệm xã hội và giúp đạt Mục tiêu Phát triển bền vững. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp nữ) trên thực tế chưa tương ứng với tỷ lệ tham gia lao động của phụ nữ trong nền kinh tế (chỉ chưa đến 30% tổng số doanh nghiệp là do phụ nữ làm chủ trong khi tỷ lệ phụ nữ tham gia lao động xấp xỉ 50%) và tiềm năng phát triển của các doanh nghiệp nữ chưa được khai thác tương xứng.

DNNVV do phụ nữ làm chủ gặp nhiều khó khăn gắn liền với yếu tố giới của chủ doanh nghiệp trong phát triển, bao gồm: tiếp cận nguồn lực, thông tin, kiến thức, kỹ năng và mạng lưới kinh doanh. Tháo gỡ khó khăn và hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ vừa giúp khai thác tiềm năng cho tăng trưởng vừa góp phần thực hiện nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ.

Nghiên cứu về DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam được thực hiện khá đa dạng, đã có các nghiên cứu liên quan tới hiện trạng và tiềm năng phát triển chung của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (VCCI và ILO, 2007; ILO, 2011; Avin và Kinney, 2014; MBI và HAWASME, 2016; IFC, 2017), hay nghiên cứu đánh giá tiếp cận tài chính của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (IFC, 2006; WB, 2015; IFC, 2017), nghiên cứu về thực tiễn hỗ trợ tốt cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (MBI, 2016), đánh giá nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam (TAF, MBI, VCCI, 2018). Các nghiên cứu ở trên đã cung cấp bức tranh chung về tình hình và xu thế phát triển, những cản trở phát triển, thực tiễn tốt của quốc tế trong hỗ trợ, đề xuất giải pháp thúc đẩy phát triển DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam.

Tuy nhiên, các nghiên cứu đó mới chỉ dừng lại ở việc mô tả thực trạng phát triển, trong đó nhấn mạnh tới khó khăn, những rào cản cho phát triển, đóng góp, những thực tiễn hỗ trợ tốt, giải pháp nhằm phát triển DNNVV do phụ nữ làm chủ và một phần đề cập tới nhu cầu hỗ trợ (hỗ trợ cái gì, hỗ trợ như thế nào). Báo cáo này dựa trên việc khai thác và phân tích dữ liệu khảo sát trên 10 nghìn doanh nghiệp dân doanh tại 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam và phỏng vấn thực tế ở 8 tỉnh, thành phố để đánh giá cụ thể thực trạng cung cấp và tiếp cận dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, từ đó có các đề xuất nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ trợ phát triển cho DNNVV do phụ nữ làm chủ, phù hợp với Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam.

Những nhận định và kiến nghị trong báo cáo là quan điểm của nhóm nghiên cứu dựa trên kết quả khảo sát doanh nghiệp và phỏng vấn thực tế. Kết quả này không nhất thiết phản ánh quan điểm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hay cơ quan hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho nghiên cứu này.

2. Mục tiêu

Mục tiêu tổng thể của Báo cáo này là “Nâng cao chất lượng và hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh đối với doanh nghiệp nữ để thúc đẩy doanh nghiệp nữ phát triển, hướng tới đạt được mục tiêu bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế tại Việt Nam”.

Mục tiêu cụ thể, gồm:

- Nhận diện thực trạng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh hiện nay tại các tỉnh, thành phố của Việt Nam;
- Tìm hiểu một số vai trò của các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh đối với hoạt động của doanh nghiệp;
- Xác định các giải pháp để thúc đẩy phát triển thị trường cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh tại Việt Nam;

3. Phương pháp

Báo cáo này sử dụng phương pháp định lượng và định tính.

Về định lượng, báo cáo sử dụng kết quả khảo sát trên 10.000 doanh nghiệp của Dự án Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tiến hành nghiên cứu và công bố thường niên, nhằm tìm hiểu tình hình hoạt động kinh doanh chung của các doanh nghiệp nữ và việc tiếp cận dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

Bên cạnh việc xử lý số liệu từ Điều tra PCI, nhóm nghiên cứu của VCCI còn tiến hành phỏng vấn sâu tại một số tỉnh, thành phố tại Việt Nam nhằm tìm hiểu thêm thực tiễn cung ứng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nữ tại các địa phương. Cụ thể, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn sâu đại diện 20 sở ban ngành, doanh nghiệp và hiệp hội/hội/câu lạc bộ doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Tp. Hồ Chí Minh, Long An, Bình Dương, Quảng Nam, Huế về thực trạng hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh đối với doanh nghiệp nữ.

Các cuộc phỏng vấn sâu cũng tìm hiểu sâu hơn về nhu cầu sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh của các doanh nghiệp nữ, cũng như tìm kiếm các những giải pháp cải thiện chất lượng cung ứng các DVHTKD đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp.

4. Những giới hạn

Do tính kế thừa trong điều tra PCI từ nhiều năm nay, Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh được đánh giá trong PCI chỉ tập trung vào một số dịch vụ cơ bản, gồm:

- Thông tin thị trường

- Tư vấn pháp luật
- Dịch vụ tuyển dụng và giới thiệu việc làm
- Hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh
- Xúc tiến thương mại và triển lãm thương mại
- Công nghệ và chương trình đào tạo liên quan đến công nghệ
- Đào tạo về kế toán và tài chính
- Đào tạo về quản trị kinh doanh

Do có giới hạn về phạm vi nêu trên, nên báo cáo này chỉ đưa ra những đánh giá sơ bộ về thị trường cung ứng một số DVHTKD cơ bản.

Điều tra PCI là điều tra cảm nhận của doanh nghiệp đối với chất lượng điều hành của chính quyền địa phương, do đó, những số liệu của PCI không phản ánh đánh giá của doanh nghiệp đối với các tổ chức ngoài nhà nước ở địa phương.

Điều tra PCI là điều tra chung đối với các doanh nghiệp dân doanh trên toàn quốc, có thể phân tách dữ liệu theo giới của chủ doanh nghiệp, nhưng không có các câu hỏi riêng cho chủ doanh nghiệp là nữ.

Để có những đánh giá toàn diện, chi tiết, sẽ cần có những điều tra, nghiên cứu chuyên sâu hơn về chủ đề này.

Bên cạnh đó, Luật Hỗ trợ DNNVV ban hành năm 2017 và có hiệu lực từ 01/01/2018, một số Nghị định hướng dẫn vẫn chưa được ban hành nên để đánh giá hiệu quả thực thi Luật này trong thực tế là điều chưa thực hiện được trong phạm vi thời gian thực hiện Báo cáo này.

5. Bối cảnh

5.1 DNNVV Việt Nam và sự đóng góp cho nền kinh tế

Doanh nghiệp có vị trí đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế, là bộ phận chủ yếu tạo ra GDP của đất nước. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến thời điểm 01/7/2018, cả nước có 702.710 doanh nghiệp đang tồn tại thuộc diện quản lý thuế của Tổng cục Thuế¹ (đây là những doanh nghiệp nằm trong danh sách quản lý của Tổng cục Thuế có mã số thuế, không tính những doanh nghiệp giải thể, doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ giải thể, nhà thầu phụ, chi nhánh). Trong số đó, có 674.759 doanh nghiệp tồn tại có báo cáo tài chính hoặc không có báo cáo tài chính nhưng Tổng cục Thống kê điều tra được; 27.951 doanh nghiệp có trong danh sách quản lý của thuế nhưng không có báo cáo tài chính và Tổng cục Thống kê không xác minh được.

Trong tổng số 674.759 doanh nghiệp, có 560.417 doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh hoặc có chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh; có 80.948 doanh nghiệp đang tồn tại nhưng không có kết quả sản xuất kinh doanh và 33.394 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ giải thể.

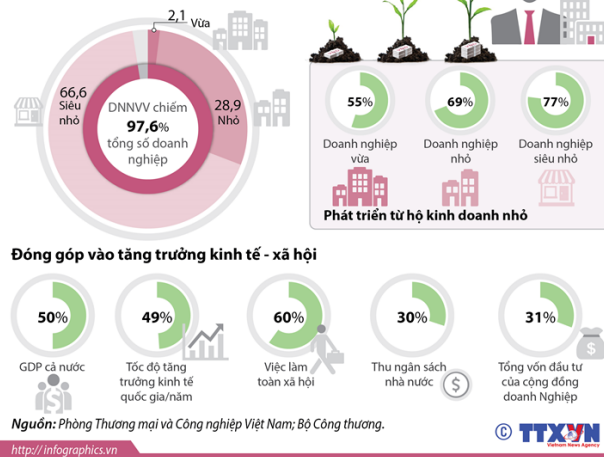
Trong số các doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam, có 98,1% là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 24,1%, doanh nghiệp siêu nhỏ chiếm tới 74%² (sau đây gọi chung là DNNVV), tập trung chủ yếu ở khu vực ngoài nhà nước (doanh nghiệp nhà nước chỉ chiếm 0,5% trong tổng số doanh nghiệp). Khối DNNVV đóng vai trò quan trọng cho đổi mới và tăng trưởng kinh tế ở mỗi quốc gia, tạo việc làm, đóng góp cho GDP của đất nước và cho thu ngân sách nhà nước, đặc biệt tỷ lệ đóng góp này càng lớn hơn ở khối các nước có thu nhập ở mức trung bình và mức thấp. Không những vậy, các DNNVV mà còn góp phần giải quyết các vấn đề xã hội như giảm nghèo, giảm bất bình đẳng... giúp quốc gia đạt được mục tiêu phát triển.

¹ đây là những doanh nghiệp nằm trong danh sách quản lý của Tổng cục Thuế có mã số thuế, không tính những doanh nghiệp giải thể, doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ giải thể, nhà thầu phụ, chi nhánh.

² Kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2017 (Tổng cục Thống kê công bố ngày 19/9/2018)

Đóng góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa vào tăng trưởng kinh tế

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) là loại hình doanh nghiệp chiếm đa số và chủ yếu trong nền kinh tế Việt Nam, 97,6% tổng số doanh nghiệp.



Hình 1: Đóng góp của DNNVV vào tăng trưởng kinh tế

5.2 Thách thức mà khối DNNVV đối mặt

Tuy có nhiều đóng góp quan trọng cho nền kinh tế và cho xã hội, nhưng hiện nay DNNVV phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và rào cản, nhất là trong bối cảnh hội nhập và xu thế phát triển khoa học công nghệ trên toàn thế giới.

Khó khăn trong tiếp cận vốn là môi quan ngại lớn nhất của DNNVV. Ngoài ra, DNNVV thường có trình độ công nghệ thấp, gây khó khăn trong vận hành của doanh nghiệp. Thiếu kỹ năng về kỹ thuật và quản trị, thiếu thông tin thị trường và kỹ năng tiếp thị cũng là cản trở đối với sự phát triển của DNNVV.

Bên cạnh đó, nhiều chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng là một rào cản đối với sự hình thành, phát triển của các DNNVV. Điều kiện, thủ tục kinh doanh còn rườm rà, nhiều điều kiện kinh doanh bất hợp lý, công chức, cán bộ Nhà nước gây khó dễ cho doanh nghiệp... khiến nhiều tiểu thương, hộ kinh doanh Việt Nam có tư tưởng “không muốn lớn mạnh”.

Như vậy, các DNNVV là đối tượng rất cần sự quan tâm, hỗ trợ tích cực từ Nhà nước và xã hội để mở rộng quy mô, đẩy mạnh đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế-xã hội.

Từ tháng 4/2016, Chính phủ đã đưa ra thông điệp xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động quyết liệt, phục vụ doanh nghiệp, người dân; tập trung mọi nỗ lực để tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích người dân, doanh nghiệp yên tâm đầu tư sản xuất kinh doanh, trở thành động lực phát triển kinh tế của đất nước. Chính phủ đã và đang thực hiện nhiều chính sách, sáng kiến mới nhằm cải thiện môi trường đầu tư với mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam sẽ có 1 triệu doanh nghiệp. Tuy nhiên, mặc dù Chính phủ đã có nhiều nỗ lực cải cách như sửa đổi Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, cắt giảm giấy phép con, cải cách mạnh mẽ doanh nghiệp Nhà nước nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng từ phát triển chiều

rộng sang chiều sâu, dựa vào nội lực và nâng cao năng suất lao động...; nhưng số lượng doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động, giải thể, phá sản vẫn ngày gia tăng.

Theo thống kê của Cục đăng ký và Quản lý kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong 9 tháng đầu năm 2018, số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn của cả nước là 23.053 doanh nghiệp, tăng 24,6% so với cùng kỳ năm 2017. Có 50.050 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể, tăng 62,3% so với cùng kỳ năm trước. Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong 9 tháng đầu năm 2018 của cả nước là 11.536 doanh nghiệp, tăng 32,1% so với cùng kỳ năm 2017.

Cục Đăng ký và Quản lý kinh doanh cũng cho biết, tất cả 17 ngành, nghề kinh doanh chính đều đang đối mặt với tình trạng số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể tăng cao trong 9 tháng đầu năm 2018.

Thực trạng này đòi hỏi cần có thêm những hỗ trợ cần thiết khác cho DNNVV từ các đối tác khác, đặc biệt là việc tăng cường năng lực cho các doanh nghiệp thông qua dịch vụ hỗ trợ kinh doanh (DVHTKD) bên cạnh các hỗ trợ về tài chính, tín dụng.

Hỗ trợ DNNVV phát triển sẽ vừa tăng động lực cho nền kinh tế vừa giúp Việt Nam đạt tới mục tiêu có một triệu doanh nghiệp vào năm 2020 theo mục tiêu mà Chính phủ đã đặt ra trong Nghị quyết 35 của Chính phủ.

5.3 Quy định của pháp luật về hỗ trợ DNNVV tại Việt Nam

Trước khi Luật Hỗ trợ DNNVV 2017 ra đời, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đối được quy định tại Nghị định 56/2009/NĐ-CP. Khoản 1 Điều 5 Nghị định quy định:

“Chương trình trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa của Nhà nước (gọi tắt là chương trình trợ giúp) là chương trình mục tiêu dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, địa bàn và được bố trí trong kế hoạch hàng năm và 5 năm. Ưu tiên chương trình trợ giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ và doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ”.

Các chương trình trợ giúp của Nhà nước theo Nghị định này bao gồm:

- Trợ giúp tài chính (*thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV; khuyến khích và dành một số dự án hỗ trợ kỹ thuật để tăng cường năng lực cho các tổ chức tài chính phù hợp mở rộng tín dụng cho các DNNVV; đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ phù hợp, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về tư vấn tài chính, quản lý đầu tư và các dịch vụ hỗ trợ khác cho khách hàng là đối*

tượng DNNVV; đào tạo, nâng cao năng lực lập dự án, phương án kinh doanh khi vay vốn).

- *Trợ giúp về mặt bằng sản xuất (dành quỹ đất và thực hiện các biện pháp khuyến khích xây dựng các khu, cụm công nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuê làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh hoặc di dời ra khỏi nội thành, nội thị để bảo đảm cảnh quan môi trường);*
- *Đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ, trình độ kỹ thuật (đổi mới công nghệ, thiết bị kỹ thuật; nghiên cứu, phát triển công nghệ sản xuất các sản phẩm mới, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; giới thiệu, cung cấp thông tin về công nghệ, thiết bị cho các DNNVV, hỗ trợ đánh giá, lựa chọn công nghệ; hỗ trợ kinh phí đổi mới công nghệ);*
- *Xúc tiến mở rộng thị trường (hỗ trợ kinh phí thực hiện);*
- *Tham gia kế hoạch mua sắm, cung ứng dịch vụ công (dành tỷ lệ nhất định cho các DNNVV thực hiện các hợp đồng hoặc đơn đặt hàng để cung cấp một số hàng hóa, dịch vụ công);*
- *Trợ giúp thông tin, cung cấp các dịch vụ tư vấn (cung cấp thông tin về các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp, các chính sách, chương trình trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thông tin khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp);*
- *Trợ giúp phát triển nguồn nhân lực (hướng dẫn xây dựng kế hoạch trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực);*
- *Vườn ươm doanh nghiệp (hỗ trợ có thời hạn doanh nghiệp trong giai đoạn khởi sự theo quy trình và có hệ thống thông qua việc cung cấp cho các doanh nghiệp được ươm tạo không gian, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh các nguồn lực cần thiết nhằm giúp các doanh nghiệp hiện thực hóa, thương mại hóa các ý tưởng kinh doanh và công nghệ).*

Luật Hỗ trợ DNNVV 2017 ra đời (có hiệu lực từ 01/01/2018) quy định nhiều hình thức hỗ trợ doanh nghiệp:

- *Hỗ trợ tiếp cận tín dụng (Điều 8)*
- *Hỗ trợ thuế, kế toán (Điều 10)*
- *Hỗ trợ mặt bằng sản xuất (Điều 11)*
- *Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung (Điều 12)*
- *Hỗ trợ mở rộng thị trường (Điều 13)*
- *Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý (Điều 14)*

- Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực (Điều 15)
- Hỗ trợ chuyển đổi thành mô hình doanh nghiệp từ hộ kinh doanh (Điều 16)
- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (Điều 17)
- Đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (Điều 18)
- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (Điều 19)

Hộ kinh doanh chuyển sang DNNVV được hỗ trợ:

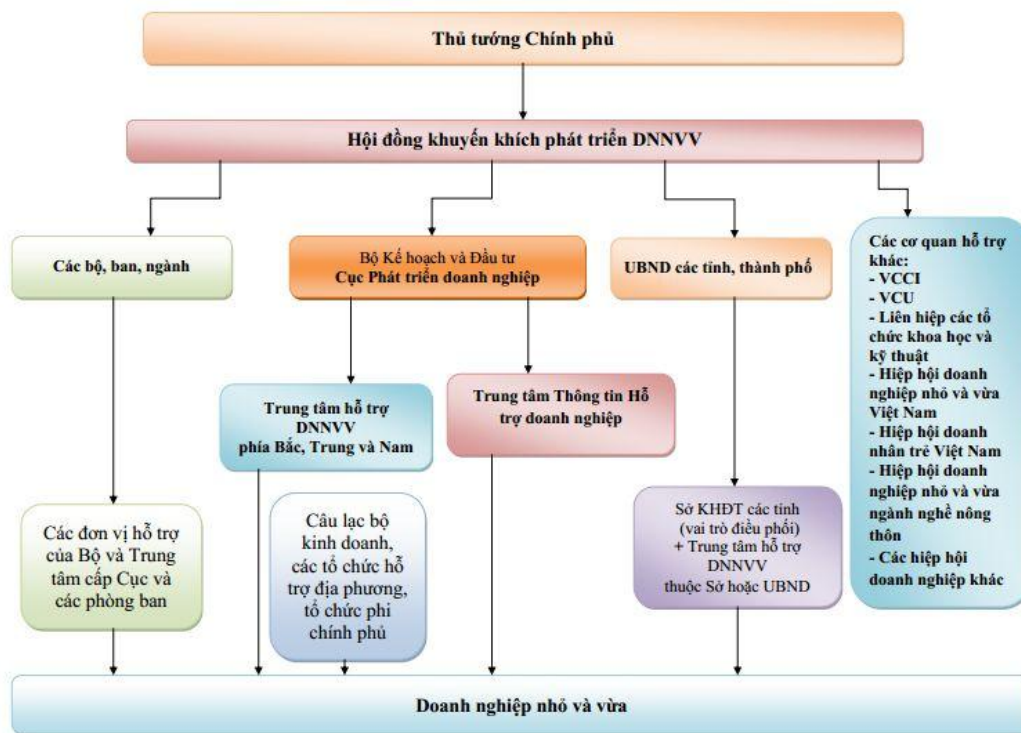
- Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp;
- Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu; miễn phí thẩm định, phí, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Miễn, giảm tiền sử dụng đất có thời hạn theo quy định của pháp luật đất đai.

Tuy nhiên, để được hưởng các ưu đãi nêu trên, hộ kinh doanh phải đáp ứng 02 điều kiện, gồm:

- Trước khi thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật;
- Hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục ít nhất là 01 năm tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

Mặc dù Luật đã có quy định nhưng để triển khai cụ thể cần các Nghị định hướng dẫn và cho tới thời điểm này, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật này vẫn chưa được ban hành đầy đủ như được giao trong Luật (Nghị định về Quỹ hỗ trợ DNNVV, Nghị định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vẫn đang được soạn thảo).

Hệ thống thể chế hỗ trợ DNNVV tại Việt Nam hoạt động dưới sự chỉ đạo của Thủ tướng được thành lập ban đầu theo Nghị định số 90/2001/NĐ-CP ngày 23/11/2001, sau này được thay thế bởi Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.



Hình 2: Hệ thống thể chế hỗ trợ DNNVV tại Việt Nam

Hội đồng khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập theo Quyết định số 1918/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ. Hội đồng khuyến khích phát triển DNNVV làm cố vấn cho Thủ tướng trong công tác phát triển DNNVV. Hội đồng này có trách nhiệm:

1. Định hướng chiến lược về kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;
2. Đề xuất sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;
3. Các biện pháp, giải pháp và chương trình trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tăng cường năng lực và nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa;
4. Các vấn đề khác liên quan đến phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa được Thủ tướng Chính phủ giao. Các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có một số ưu tiên hỗ trợ (sẽ được đề cập ở phần sau).

5.4 Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cho các DNNVV

Trên thế giới, nhiều nghiên cứu và đánh giá thực tiễn đã chỉ ra rằng nếu chỉ có các dịch vụ tài chính sẽ không dẫn đến tăng trưởng kinh doanh của khối DNNVV. Để thúc đẩy doanh nghiệp phát triển cần có các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh (DVHTKD).

5.4.1 DVHTKD kinh doanh là gì

DVHTKD kinh doanh là các dịch vụ phi tài chính, đóng vai trò là tác nhân cơ bản tạo thuận lợi cho sự phát triển của khối doanh nghiệp tư nhân, giúp các DNNVV tăng trưởng có lợi nhuận hơn, để khối doanh nghiệp tư nhân trở thành động lực phát triển xã hội một cách toàn diện.

DVHTKD là các dịch vụ cung cấp cho từng doanh nghiệp làm nâng cao hiệu quả hoạt động, tiếp cận thị trường và năng lực cạnh tranh trong hoạt động hàng ngày và cả ở cấp độ trong chiến lược³. Định nghĩa này sau đó cũng được UNDP nhắc lại (năm 2004).

Bao gồm:

- Đào tạo
- Tư vấn
- Hỗ trợ thị trường (tập trung vào bán hàng)
- Thông tin
- Phát triển và chuyển giao công nghệ
- Thúc đẩy liên kết kinh doanh

Các dạng hỗ trợ DNNVV⁴:

- Thông tin và quảng bá: bao bì đóng gói, biển chỉ dẫn
- Dịch vụ thông tin chuyên ngành (pháp luật, thị trường, nguồn tài chính, hỗ trợ kỹ thuật)
- Dịch vụ tư vấn: lập kế hoạch kinh doanh, thực hiện các chức năng kinh doanh cơ bản (bán hàng, tiếp thị, tài chính kế toán, dịch vụ khách hàng, quản lý nhân lực, nghiên cứu và phát triển, sản xuất, phân phối), cố vấn, tìm kiếm đối tác
- Đào tạo khởi sự, điều hành và tăng trưởng doanh nghiệp
- Cơ sở kinh doanh: vườn ươm, công viên công nghệ, các trung tâm doanh nghiệp
- Mạng lưới: cụm, chuỗi cung ứng, hội chợ

DVHTKD hướng tới:

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp cụ thể, việc tiếp cận thị trường và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp đó
- Tăng lợi nhuận và thúc đẩy doanh nghiệp tăng trưởng (điều này dẫn đến tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập và phúc lợi để nâng cao chất lượng cuộc sống)
- Tăng thêm giá trị cho hàng hóa và dịch vụ

³ DCED (2001)

⁴ European Commission (2002)

Đối với các DNNVV, đặc biệt là các doanh nghiệp siêu nhỏ, DVHTKD là phương thức quan trọng để hỗ trợ phát triển, giúp tạo việc làm, thu nhập và đóng góp cho phát triển và tăng trưởng kinh tế. Việc làm và thu nhập có ý nghĩa đặc biệt quan trọng tương tự như việc quan tâm tới khu vực nông thôn nghèo, các cộng đồng và các nhóm dễ bị tổn thương. Trong bối cảnh này, việc cung cấp các DVHTKD có chất lượng là cách thức quan trọng để đạt tới các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (Millennium Development Goals - MDGs).

5.4.2 DVHTKD được cung cấp bởi ai

DVHTKD được cung cấp bởi cả khối tư và công cho các DNNVV để nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và phát triển doanh nghiệp của mình. Trên thế giới, những dịch vụ hỗ trợ này thường được cung cấp bởi:

- Các cơ quan nhà nước
- Các hiệp hội doanh nghiệp và ngành nghề (bao gồm các hội/hiệp hội doanh nghiệp nữ)
- Các tổ chức phi chính phủ
- Các nhà tài trợ (thông qua các dự án)
- Các trường đại học/cơ sở đào tạo
- Các chuyên gia độc lập

Những dịch vụ này được thực hiện thông qua:

- Dịch vụ một cửa
- Các “điểm xuất phát” cho doanh nghiệp mới thành lập
- Cổng thông tin trực tuyến về kinh doanh
- Các trung tâm doanh nghiệp/khởi nghiệp
- Các trung tâm hỗ trợ DNNVV
- Các vườn ươm doanh nghiệp, công viên công nghệ, trung tâm sáng tạo, trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông (ICT)
- Các chương trình đào tạo được chuẩn hóa
- Các giải pháp tập trung vào khách hàng (cá nhân hoặc nhóm)

DVHTKD đã trở thành thiết yếu trong chiến lược tổng thể phát triển DNNVV, ở các giai đoạn khác nhau, đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau của doanh nghiệp. Những dịch vụ này giúp DNNVV vượt qua các trở ngại chủ quan và khách quan để phát triển.

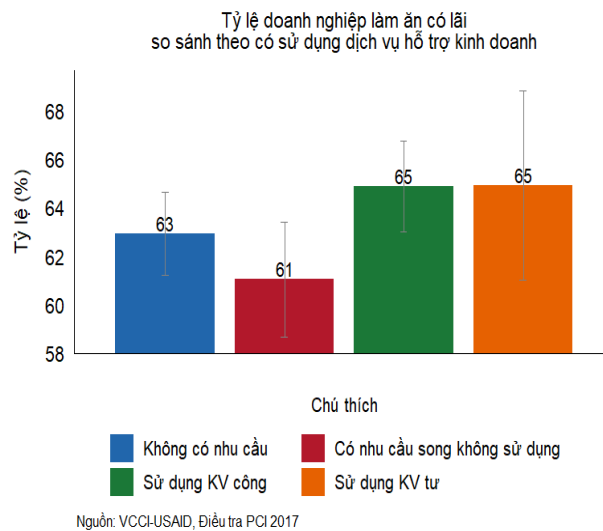
5.4.3 Tác động của DVHTKD

Theo nhiều nghiên cứu trên thế giới, các doanh nghiệp có sử dụng tư vấn sâu sẽ phát triển nhanh hơn các doanh nghiệp khác nói chung, tạo ra nhiều việc

làm hơn, nhiều thu nhập hơn (do đó đóng thuế nhiều hơn)⁵. Tỷ lệ thành công của một doanh nghiệp khởi nghiệp có thể tăng 3 lần nếu doanh nghiệp đó có người cố vấn, các hỗ trợ phi tài chính thúc đẩy hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp⁶.

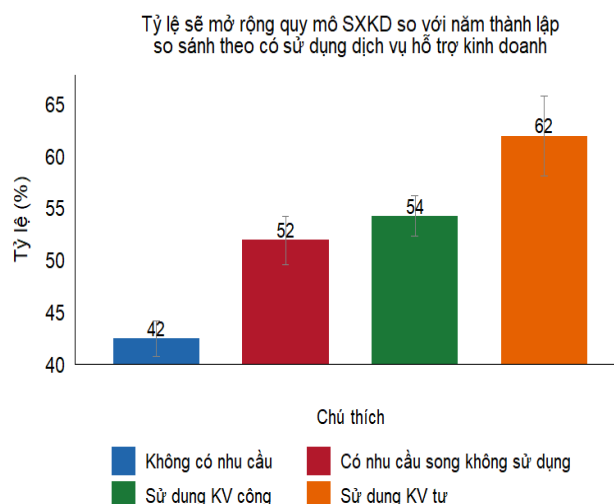
Theo khảo sát mới nhất của Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) (VCCI-USAID) thực hiện năm 2017, những doanh nghiệp có sử dụng DVHTKD cũng có hiệu quả sản xuất kinh doanh cao hơn so với nhóm không sử dụng.

Cụ thể, với các doanh nghiệp có sử dụng DVHTKD đều có tỷ lệ cho biết làm ăn có lãi cao hơn nhóm doanh nghiệp không có nhu cầu hoặc có nhu cầu nhưng không sử dụng.



Hình 3: Tỷ lệ doanh nghiệp làm ăn có lãi so sánh theo có sử dụng DVHTKD

Những doanh nghiệp có sử dụng DVHTKD dường như lạc quan hơn so với các doanh nghiệp không sử dụng dịch vụ. Cụ thể, 54% doanh nghiệp sử dụng dịch vụ do khu vực công cung cấp và 62% doanh nghiệp sử dụng dịch vụ của nhà cung cấp tư nhân cho biết sẽ mở rộng sản xuất kinh doanh trong 2 năm tới. Trong khi đó, với những doanh nghiệp không có nhu cầu sử dụng dịch vụ, hoặc có nhu cầu nhưng không sử dụng, tỷ lệ doanh nghiệp sẽ mở rộng sản xuất kinh doanh chỉ lần lượt ở mức 42% và 52%.



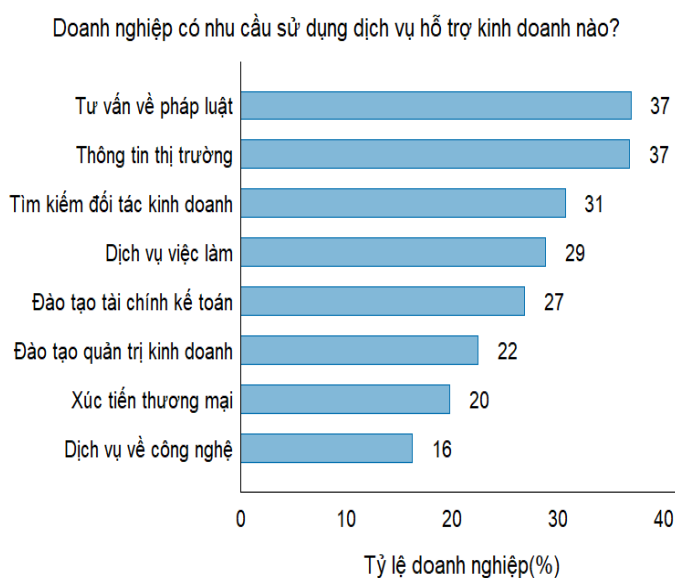
⁵ www.asbdc-us.org

⁶ YBI 2011

Hình 4: Tỷ lệ doanh nghiệp sẽ mở rộng quy mô SXKD so sánh theo có sử dụng DVHTKD

5.4.4 Nhu cầu về DVHTKD ở Việt Nam

Khảo sát PCI 2017 về nhu cầu sử dụng DVHTKD cho thấy: Tư vấn pháp luật, Thông tin thị trường và Tìm kiếm đối tác kinh doanh là những dịch vụ được doanh nghiệp cần hơn cả. Tuy nhiên tỷ lệ này không cao, có thể do các doanh nghiệp còn khó khăn về tài chính nên tự mình xử lý để giảm chi phí, cũng có thể do chưa nhận thức được tầm quan trọng và lợi ích của những dịch vụ này.



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2017

Hình 5: Nhu cầu sử dụng DVHTKD của doanh nghiệp

Theo một khảo sát khác công bố cuối năm 2015 về ý kiến DNNVV của MarketIntello Vietnam⁷ về các tầm quan trọng của các dịch hỗ trợ mà doanh nghiệp Việt Nam đang sử dụng và đánh giá của doanh nghiệp về tầm quan trọng của các dịch vụ này, thì quản lý tài chính là nhu cầu lớn nhất của các doanh nghiệp, sau đó là nghiên cứu thị trường, quảng cáo/khuyến mại và tư vấn pháp lý. Có khoảng 33% số doanh nghiệp được hỏi có sử dụng DVHTKD trong thời gian 2013-2014 và 52% cho rằng các dịch vụ đó là hữu ích. Tuy nhiên, có tới 26,28%

⁷ <http://www.brandsvietnam.com/congdong/topic/1677-Infographic-Dich-vu-ho-tro-Phat-trien-Kinh-doanh-trong-mat-DNVVN>

doanh nghiệp không hề biết có các DVHTKD và 27,7% cho rằng tự mình làm được mà không cần hỗ trợ bên ngoài.

Như vậy, DVHTKD là rất cần thiết. Việc cải thiện môi trường kinh doanh (ví dụ như cải cách thể chế) không giải quyết được các yếu kém trong khả năng và kỹ năng kinh doanh, trong khi DVHTKD giúp nâng cao kỹ năng quản trị cho các chủ doanh nghiệp đang hoạt động và mới thành lập, tăng khả năng tiếp cận thông tin, thị trường và mạng lưới; tăng tỷ lệ khởi nghiệp kinh doanh; góp phần giải quyết những thiếu sót của thị trường (như thiếu thông tin về thị trường, các quy tắc, quy định, niềm tin, chuẩn mực..., thiếu các dịch vụ như mạng lưới cung cấp, các nghiên cứu tiền khả thi, đào tạo kinh doanh, hội chợ...).

Đặc biệt, các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, siêu nhỏ rất cần các kỹ năng cần thiết để tiếp tục kinh doanh một cách thành công.

5.5 Phụ nữ và DNNVV

Phụ nữ cùng lúc giữ ba vai trò: làm mẹ, làm vợ, người lao động. Đảm trách nhiều nhiệm vụ quan trọng như vậy nhưng ngày càng nhiều phụ nữ muốn khởi nghiệp và tỷ lệ phụ nữ làm chủ doanh nghiệp là một trong các tiêu chí đánh giá thành tựu bình đẳng giới của một quốc gia.

Phụ nữ làm kinh doanh luôn được đánh giá cao bởi họ luôn giữ được sự ổn định trong kinh doanh và tạo nền tảng cho phát triển bình đẳng giới. Viện Quốc tế McKinsey đã khẳng định, nếu phụ nữ tham gia một cách bình đẳng trong nền kinh tế toàn cầu, thì sẽ giúp GDP sẽ tăng 28 nghìn tỷ đô la Mỹ vào năm 2025.

Tuy nhiên, phụ nữ gặp rất nhiều khó khăn khi khởi nghiệp và vận hành doanh nghiệp. Doanh nhân nữ thiếu sự ủng hộ của xã hội trong việc sắp xếp công việc gia đình, do sự hiểu biết có tính “truyền thống” về vai trò của phụ nữ trong doanh nghiệp, trong gia đình. Họ bị coi là người làm việc gia đình hơn là làm doanh nhân và ít nhận được sự tin tưởng, do đó, tiếp cận vốn khó khăn hơn và nhận được ít đầu tư hơn nam giới, thiếu thông tin, thiếu tiếp cận mạng lưới kết nối. Phụ nữ cũng gặp nhiều khó khăn trong đào tạo, xuất phát từ định kiến xã hội kỳ vọng vào người phụ nữ là phải chăm sóc gia đình. Với quỹ thời gian 24h/ngày như nam giới nhưng bên cạnh việc kinh doanh, phụ nữ làm nhiều việc không tên và tốn nhiều thời gian hơn nên không có thời gian để tham gia các khóa đào tạo.

Chính vì những khó khăn như vậy mà tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ còn thấp hơn nam, những doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ thường là các doanh nghiệp vừa, nhỏ, thậm chí siêu nhỏ, trong đó chủ yếu là nhỏ và siêu nhỏ. Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ thấp hơn so với doanh nghiệp nam làm chủ.

Theo Báo cáo Chỉ số nữ doanh nhân của Mastercard (Mastercard Index of Women Entrepreneurs – MIWE) 2018 (đánh giá ở 57 nền kinh tế đại diện cho 78,6% lực lượng lao động nữ trên toàn thế giới), nước có tỷ lệ phụ nữ làm chủ doanh nghiệp cao nhất (Ghana) là 46,4%, đứng thứ hai (Nga) chỉ có 34,6%, thứ ba (Uganda) là 33,8%. Thấp nhất là Saudi Arabia (1,4%), Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (2,8%) và Ai Cập (3,3%). Tỷ lệ này rõ ràng là rất khiêm tốn.

Trong thời đại mà các doanh nghiệp nữ được xác định là “động lực mới cho tăng trưởng” và “những ngôi sao đang lên trong nền kinh tế ở các nước đang phát triển sẽ mang đến thịnh vượng và phúc lợi”⁸, thì nguồn lực từ các doanh nghiệp nữ cần phải được khai thác để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. Sự hỗ trợ để nâng cao năng lực cho khối doanh nghiệp này phát triển là hết sức cần thiết và biện pháp giải quyết tốt nhất là các DVHTKD.

6. Doanh nghiệp nữ tại Việt Nam

6.1 Thông tin chung

Việt Nam đang kiên trì theo đuổi các mục tiêu phát triển bền vững, trong đó có mục tiêu về bình đẳng giới. Theo Báo cáo Rà soát quốc gia tự nguyện thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam năm 2018: lao động nữ chiếm 48,3% lực lượng lao động. Nếu phụ nữ được trả tiền cho công việc chăm sóc không lương của họ, họ sẽ đóng góp hơn 20% GDP của Việt Nam. Trong khối doanh nghiệp, có tới 98% số doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, trong đó doanh nghiệp siêu nhỏ chiếm tới 71%.

Theo Báo cáo “Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam: Nhận thức và tiềm năng”⁹: các nữ doanh nhân tạo ra lợi nhuận hàng năm tương đương với các nam doanh nhân, và doanh nghiệp của họ đang tăng trưởng với tốc độ trên 20%. Nhưng khi cần vay vốn, phụ nữ thường gặp khó khăn hơn so với nam giới. Dù môi trường đầu tư trong nước tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ, đa phần các ngân hàng hoặc cho rằng không cần đưa ra một cách tiếp cận riêng đối với các nữ doanh nhân, hoặc đánh giá phân khúc này là ít lợi nhuận hơn, nhiều rủi ro hơn và thiếu kỹ năng quản lý tài chính.

Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong tổng số doanh nghiệp còn thấp, có nhiều số liệu thống kê khác nhau nhưng chỉ khoảng 31% trở xuống.

Theo số liệu Điều tra Lao động việc làm năm Quý IV 2017, tỷ lệ nữ làm chủ cơ sở trên phạm vi toàn quốc là 27,8%, tuy nhiên có khoảng cách khá lớn về

⁸ The Impact of Women Entrepreneurs towards National Development: Selected Study on Taraba State, 2016, <https://www.iiste.org/Journals/index.php/IKM/article/viewFile/31034/31867>

⁹ IFC, 2017

tỷ lệ này tại khu vực thành thị và nông thôn (33,2% tại thành thị và 20,1% tại nông thôn).

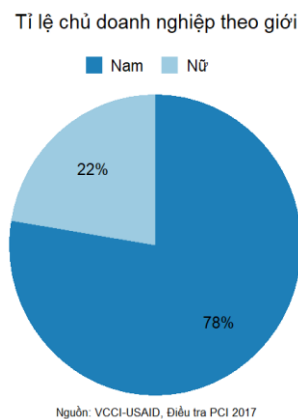
Báo cáo này đồng thời chỉ ra rằng, trong hai năm vừa qua, chỉ 37% DNNVV do phụ nữ làm chủ tiếp cận được các khoản vay ngân hàng, so với 47% doanh nghiệp thuộc sở hữu của nam giới. Dù môi trường đầu tư trong nước tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ, đa phần các ngân hàng hoặc cho rằng không cần đưa ra một cách tiếp cận riêng đối với các nữ doanh nhân, hoặc đánh giá phân khúc này là ít lợi nhuận hơn, nhiều rủi ro hơn và thiếu kỹ năng quản lý tài chính.

Tỷ lệ thấp và có sự chênh lệch như vậy là do phụ nữ còn gặp nhiều rào cản và khó khăn trong khởi nghiệp cũng như vận hành doanh nghiệp, và đây là tình trạng chung không chỉ ở Việt Nam. Theo Báo cáo khoảng cách giới toàn cầu 2017(Global Gender Gap), phụ nữ có nguy cơ mất việc nhiều hơn nam giới và mặc dù thu nhập toàn cầu đang tăng lên, nhưng nam giới vẫn có mức tăng nhanh hơn. Ngoài ra, phụ nữ chỉ chiếm 22% vị trí lãnh đạo trong các công ty, tổ chức. Việt Nam xếp thứ 69 trên tổng số 144 quốc gia được khảo sát, tụt 5 bậc so với năm ngoái.

6.2 Doanh nghiệp nữ trong điều tra PCI

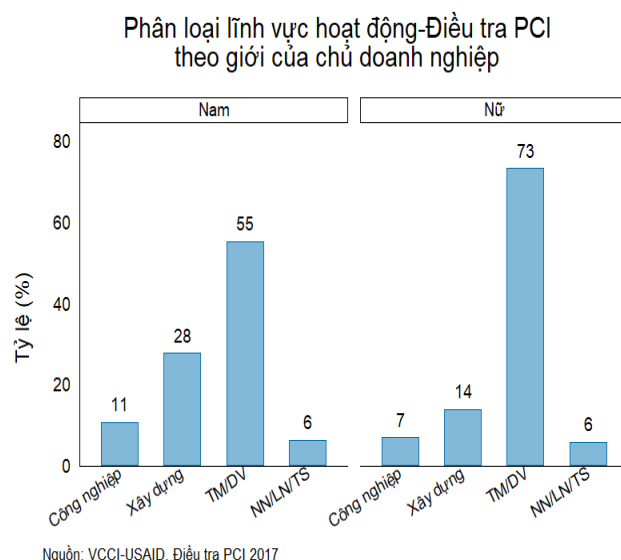
6.2.1. Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Theo điều tra PCI năm 2017, tỷ lệ doanh nghiệp nữ làm chủ là 22%.



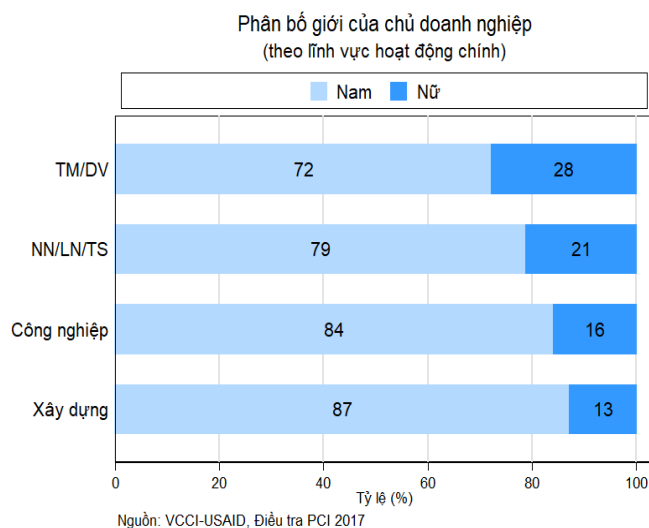
Hình 6: Tỷ lệ doanh nghiệp theo giới trong điều tra PCI 2017

Trong số các doanh nghiệp do nữ làm chủ, tỷ lệ doanh nghiệp cao nhất ở lĩnh vực thương mại, dịch vụ (73%), 14% trong lĩnh vực xây dựng, 7% trong lĩnh vực công nghiệp, 6% trong lĩnh vực nông nghiệp/lâm nghiệp/thủy sản. So sánh tỷ lệ này với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ, chênh lệch lớn nhất là lĩnh vực xây dựng (phân bổ doanh nghiệp nam nhiều hơn nữ, 28% so với 14%) và thương mại/dịch vụ (nữ nhiều hơn nam, 73% so với 55%).



Hình 7: Phân loại lĩnh vực hoạt động theo giới của chủ doanh nghiệp

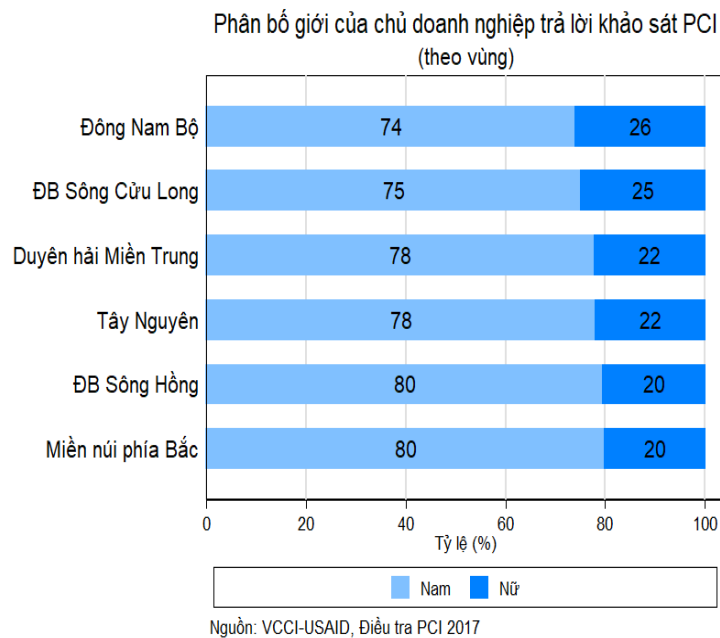
Nếu tính tỷ lệ doanh nghiệp nữ và doanh nghiệp nam theo từng lĩnh vực thì ở tất cả các lĩnh vực, tỷ lệ doanh nghiệp nữ làm chủ đều rất khiêm tốn, lĩnh vực có tỷ lệ cao nhất (thương mại/dịch vụ) cũng chỉ chiếm 28%, thấp nhất là lĩnh vực xây dựng (13%) và công nghiệp (16%).



Hình 8: Phân bố giới của chủ doanh nghiệp theo lĩnh vực hoạt động

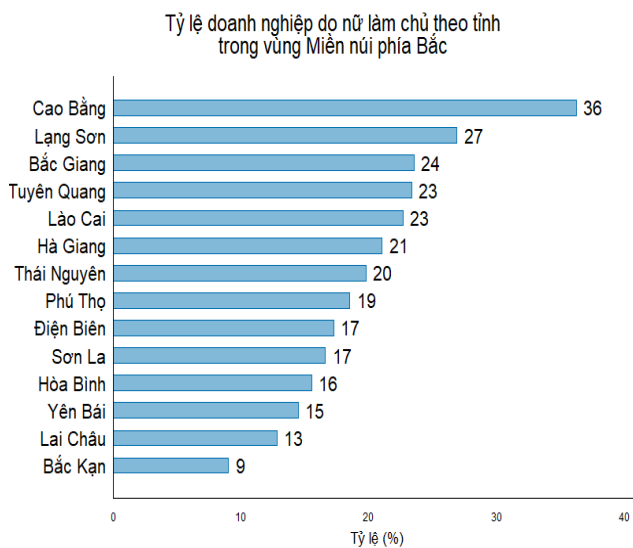
Ở các địa phương, tỷ lệ lớn nhất là 36% (Cao Bằng), Trà Vinh (32%), Kiên Giang (30%). Thấp nhất là Bắc Kạn (9%), Lai Châu (13%), Thái Bình (13%). Tại năm thành phố lớn nhất của Việt Nam thì các tỷ lệ này là 23% (Hà Nội, Đà Nẵng), 24% (Hải Phòng), 25% (Tp. Hồ Chí Minh), và cao nhất là 27% (Cần Thơ).

Xét theo vùng

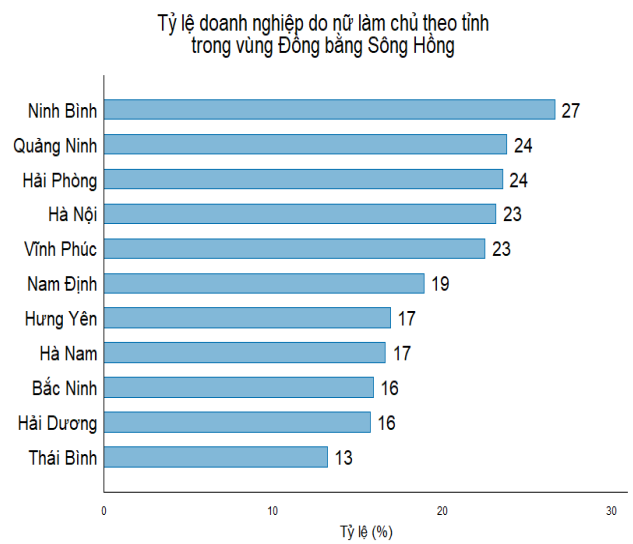


Hình 9: Phân bố giới của chủ doanh nghiệp theo vùng

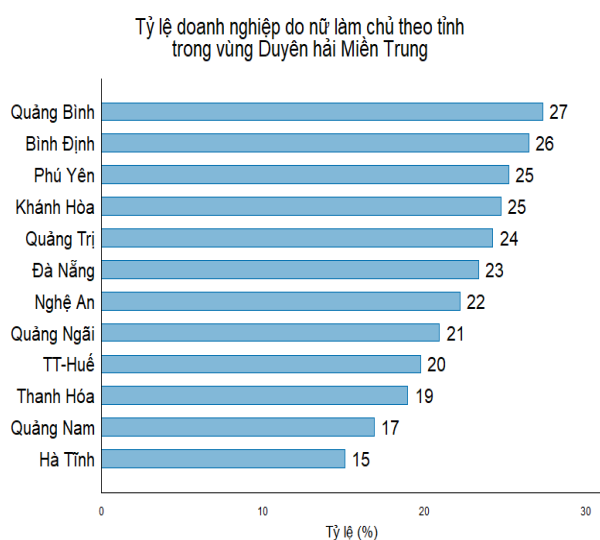
Tỷ lệ nếu tính theo vùng thì không có quá nhiều chênh lệch, nhưng dường như các vùng kinh tế sôi động hơn có tỷ lệ trung bình chung cao hơn. Tuy nhiên nếu xem xét giữa các tỉnh/thành phố trong 1 vùng lại có mức chênh lệch khá lớn.



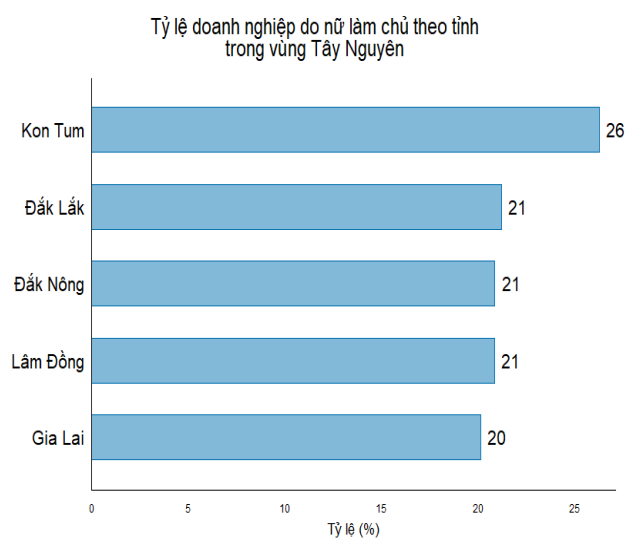
Hình 10: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ theo tỉnh trong vùng Miền núi phía Bắc



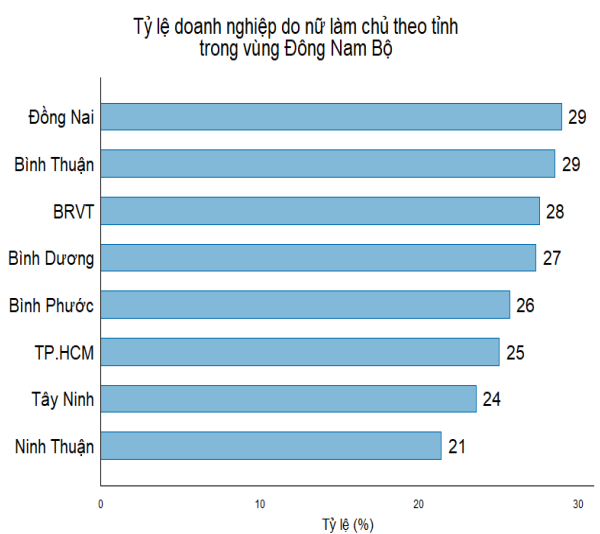
Hình 11: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ theo tỉnh trong vùng Đồng bằng Sông Hồng



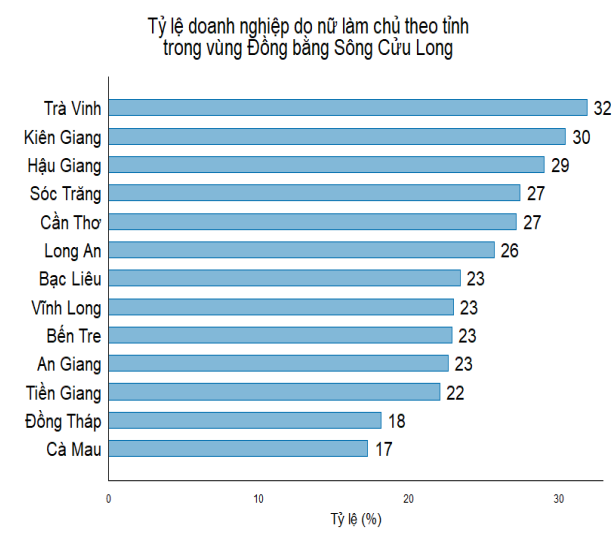
Hình 12: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ theo tỉnh trong vùng Duyên hải miền Trung



Hình 13: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ theo tỉnh trong vùng Tây Nguyên



Hình 14: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ theo tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ



Hình 15: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ theo tỉnh trong vùng Đồng bằng Sông Cửu Long

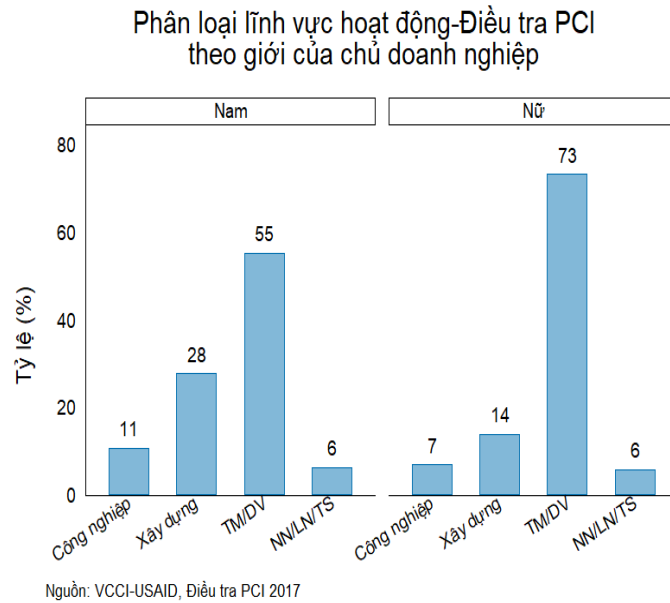
Xét theo lĩnh vực hoạt động

Điều tra PCI phân lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp thành 04 nhóm chính:

- Công nghiệp
- Xây dựng
- Thương mại/dịch vụ
- Nông nghiệp/lâm nghiệp/thủy sản

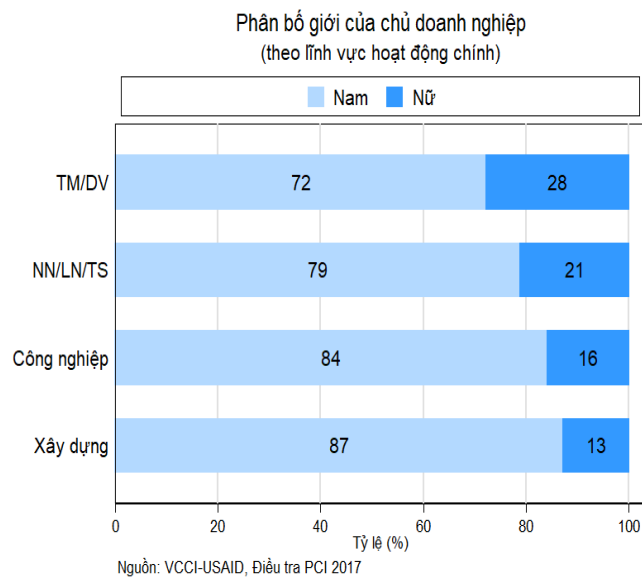
Trong số các doanh nghiệp do nữ làm chủ, các doanh nghiệp tập trung nhiều nhất ở lĩnh vực thương mại, dịch vụ (73%), 14% trong lĩnh vực xây dựng,

7% trong lĩnh vực công nghiệp, 6% trong lĩnh vực nông nghiệp/lâm nghiệp/thủy sản. Trong so sánh tỷ lệ này với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ, chênh lệch lớn nhất là lĩnh vực xây dựng (phân bổ doanh nghiệp nam nhiều hơn nữ, 28% so với 14%) và lĩnh vực thương mại/dịch vụ (nữ nhiều hơn nam, 73% so với 55%), (nam 28%).



Hình 16: Phân loại lĩnh vực hoạt động theo giới của chủ doanh nghiệp

Nếu tính tỷ lệ doanh nghiệp nữ và doanh nghiệp nam theo từng lĩnh vực thì ở tất cả các lĩnh vực, tỷ lệ doanh nghiệp nữ làm chủ đều rất khiêm tốn, lĩnh vực có tỷ lệ cao nhất (thương mại/dịch vụ) cũng chỉ chiếm 28%, thấp nhất là lĩnh vực xây dựng (13%) và công nghiệp (16%).

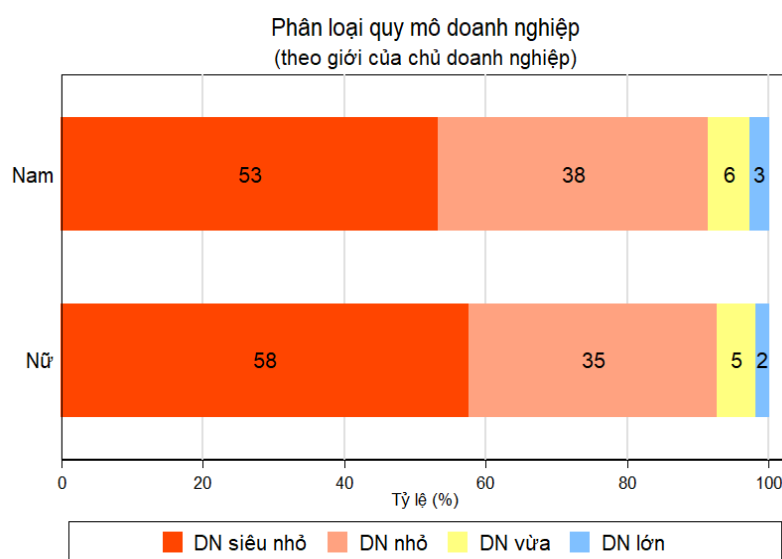


Hình 17: Phân bố giới của chủ doanh nghiệp theo lĩnh vực hoạt động

Xét theo quy mô doanh nghiệp

Điều tra PCI 2017 thực hiện khi Luật Hỗ trợ DNNVV chưa có hiệu lực, do đó, định nghĩa về DNNVV vẫn theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa:

Quy mô	Doanh nghiệp siêu nhỏ		Doanh nghiệp nhỏ		Doanh nghiệp vừa	
	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động	Tổng nguồn vốn
I. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 200 người	từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	từ trên 200 người đến 300 người	
II. Công nghiệp và xây dựng	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 200 người	từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	từ trên 200 người đến 300 người	
III. Thương mại và dịch vụ	10 người trở xuống	10 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 50 người	từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	từ trên 50 người đến 100 người	

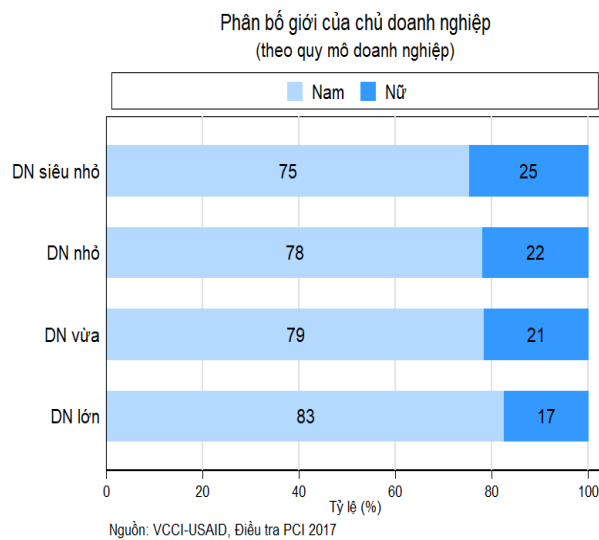


Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2017

Hình 18: Phân loại quy mô doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp

Có tới 58% doanh nghiệp nữ làm chủ có quy mô siêu nhỏ, 35% là doanh nghiệp nhỏ, chỉ có 5% là doanh nghiệp vừa và 2% là doanh nghiệp lớn.

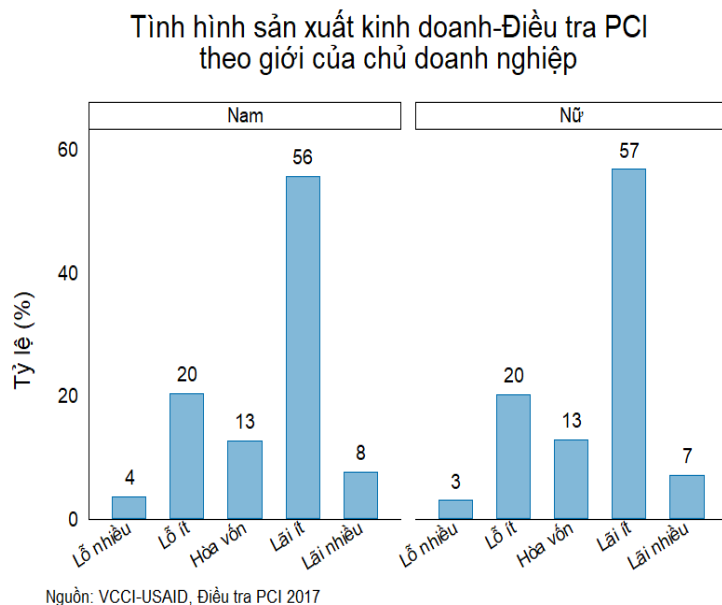
Xét ở từng cấp độ quy mô thì bất cứ quy mô nào, tỷ lệ doanh nghiệp nữ vẫn thấp hơn nam rất nhiều, quy mô càng tăng thì tỷ lệ doanh nghiệp nữ làm chủ càng thấp.



Hình 19: Phân bố giới của chủ doanh nghiệp theo quy mô doanh nghiệp

6.2.2. Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

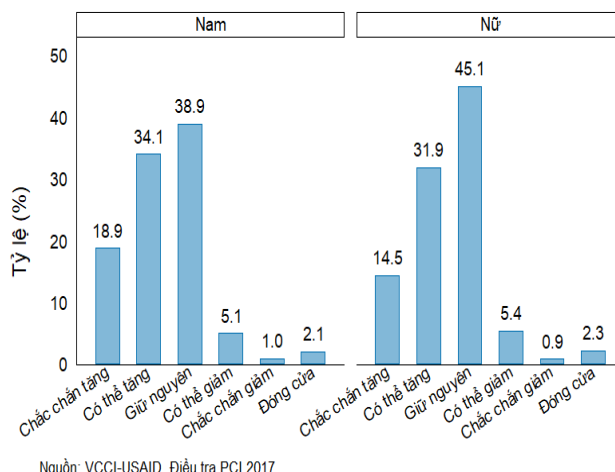
PCI khảo sát doanh nghiệp về tình hình sản xuất kinh doanh đánh giá theo mức độ: lãi nhiều, lãi ít, hòa vốn, lỗ ít, lỗ nhiều. Thì hơn ½ số doanh nghiệp cả nam và nữ đều ở tình trạng lãi ít, chỉ có khoảng 7-8% là lãi nhiều. Bảng sau cho thấy tình hình sản xuất kinh doanh của cả doanh nghiệp nữ và nam là tương tự nhau, chứng tỏ năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nữ không hề kém doanh nghiệp nam.



Hình 20: Tình hình sản xuất kinh doanh theo giới của chủ doanh nghiệp

Đánh giá triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp trong 2 năm tới, chỉ có 8,6% doanh nghiệp nữ nghĩ tới việc giảm quy mô kinh doanh hoặc đóng cửa, điều này cho thấy các chủ doanh nghiệp nữ vẫn rất lạc quan và cố gắng trong công việc kinh doanh của mình.

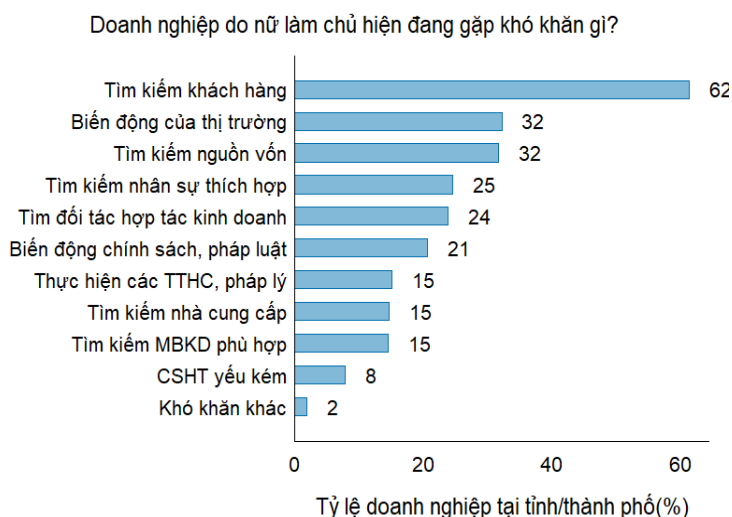
Triển vọng kinh doanh trong 2 năm tới-Điều tra PCI theo giới của chủ doanh nghiệp



Hình 21: Triển vọng kinh doanh trong 2 năm tới theo giới của chủ doanh nghiệp
6.2.3. Khó khăn của doanh nghiệp

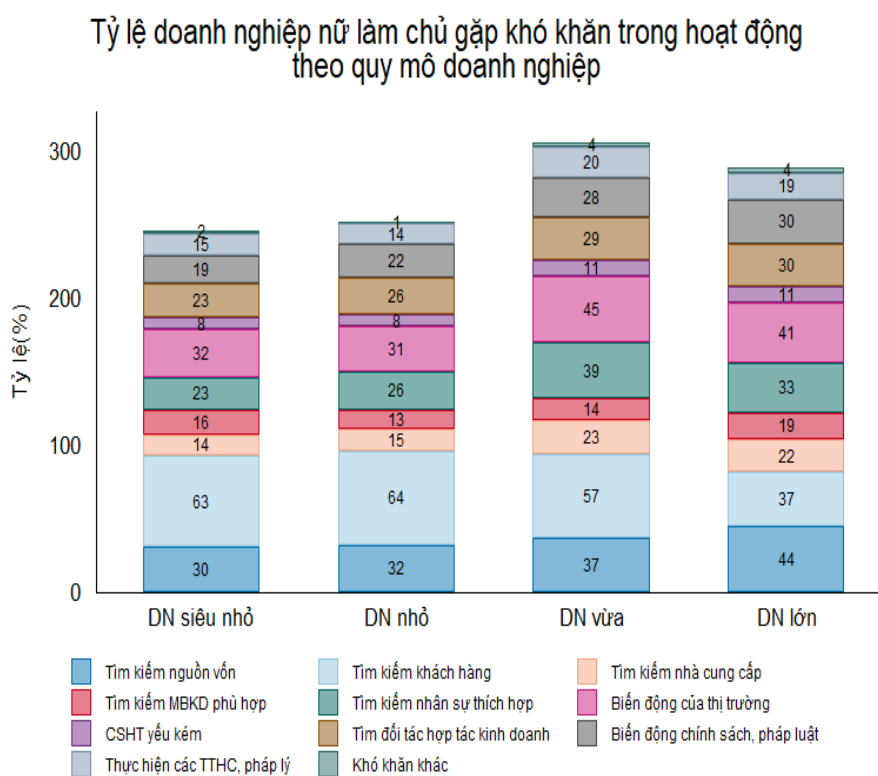
Doanh nghiệp do nữ làm chủ có các điểm mạnh về sự bền bỉ trước khó khăn, thường quan tâm đến các chính sách cho người lao động, đóng góp cho xã hội do đặc thù tính giới của nữ lãnh đạo. Và mặc dù việc tăng cường trao quyền cho phụ nữ trong nền kinh tế đang được đẩy mạnh, nhưng các DNNVV do nữ làm lãnh đạo còn gặp nhiều khó khăn, thách thức như quy mô nhỏ, sức cạnh tranh của doanh nghiệp còn thấp; trình độ năng lực quản trị doanh nghiệp và tiếp cận thông tin, công nghệ còn hạn chế; nữ doanh nhân lại phải cùng một lúc gánh trách nhiệm kép, định kiến xã hội và quan niệm sai lầm về vai trò của phụ nữ trong kinh doanh vẫn còn tồn tại.

Theo điều tra PCI, doanh nghiệp do nữ làm chủ hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn, khó khăn lớn nhất là tìm kiếm khách hàng (62% doanh nghiệp trả lời gặp khó khăn này), sau đó là khó khăn về tìm kiếm nguồn vốn và biến động thị trường).



Hình 22: Những khó khăn của doanh nghiệp do nữ làm chủ

Xét theo quy mô doanh nghiệp, cho dù doanh nghiệp ở quy mô nào (siêu nhỏ, nhỏ, vừa hoặc lớn) thì đều có ba khó khăn lớn nhất như trên.



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2017

Hình 23: Khó khăn của doanh nghiệp do nữ làm chủ theo quy mô doanh nghiệp

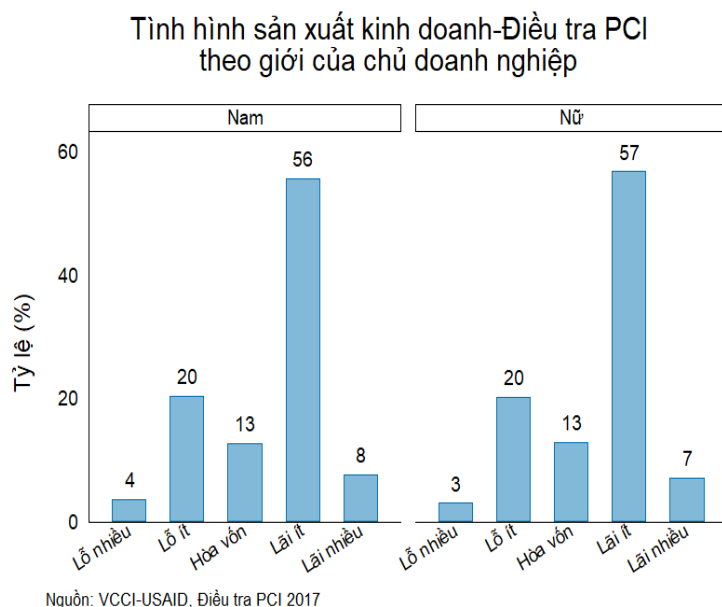
Theo một nghiên cứu khác của VCCI¹⁰, các doanh nghiệp nữ gặp khó khăn ở các vấn đề sau:

- Chi phí, dịch vụ đầu vào cao (49%)
- Lao động chất lượng cao không có sẵn (49%)
- Thiếu chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phù hợp (47%)
- Tiếp cận thị trường, bán hàng (43%)
- Tiếp cận các dịch vụ tài chính (42%)
- Thủ tục hành chính, pháp lý (32%)
- Cung ứng nguyên vật liệu (28%)
- Thiếu thông tin, kiến thức, kỹ năng (25%)
- Cơ sở hạ tầng địa phương chưa đồng bộ (23%)
- Năng lực quản trị doanh nghiệp (21%)
- Thiếu sự kết nối (20%)
- Cân bằng công việc kinh doanh và gia đình (17%)

¹⁰ “Đánh giá nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam”, 04/2018, VCCI, Quỹ Châu Á (TAF), Sáng kiến Hỗ trợ khu vực tư nhân vùng Mekong (MBI)

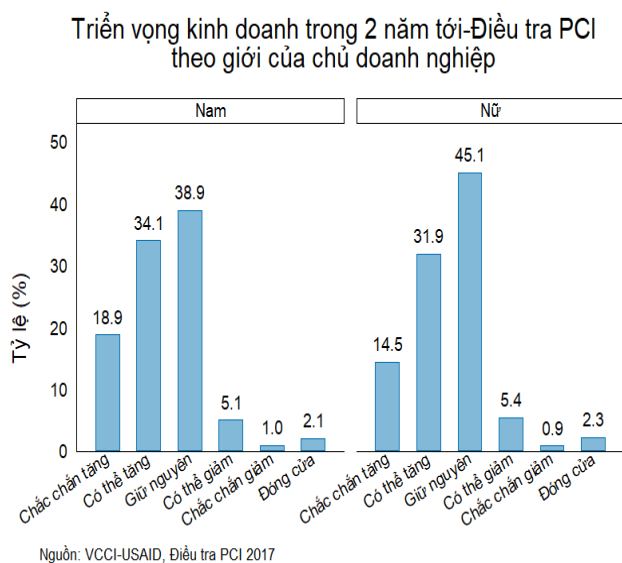
- Thiếu người kế nghiệp (11%)

Dù gặp nhiều khó khăn như vậy, nhưng tình hình sản xuất kinh doanh của cả doanh nghiệp nữ và nam là tương tự nhau, chứng tỏ năng lực điều hành công việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nữ không hề kém doanh nghiệp nam.



Hình 24: Tình hình sản xuất kinh doanh theo giới của chủ doanh nghiệp

Đánh giá triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp trong 2 năm tới, chỉ có 8,6% doanh nghiệp nữ nghĩ tới việc giảm quy mô kinh doanh hoặc đóng cửa, điều này cho thấy các chủ doanh nghiệp nữ vẫn rất lạc quan và cố gắng trong công việc kinh doanh của mình.



Hình 25: Triển vọng kinh doanh trong 2 năm tới theo giới của chủ doanh nghiệp

7. Tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cho doanh nghiệp nữ

7.1 Quy định pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 về hỗ trợ DNNVV (hết hiệu lực ngày 11/3/2018)

Trước khi Luật Hỗ trợ DNNVV 2017 ra đời, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp do nữ làm chủ được quy định tại Nghị định 56/2009/NĐ-CP, khoản 1 Điều 5 quy định:

“Chương trình trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa của Nhà nước (gọi tắt là chương trình trợ giúp) là chương trình mục tiêu dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, địa bàn và được bố trí trong kế hoạch hàng năm và 5 năm. Ưu tiên chương trình trợ giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ và doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ”.

Các chương trình trợ giúp của Nhà nước theo Nghị định này bao gồm:

- Trợ giúp tài chính (*thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV; khuyến khích và dành một số dự án hỗ trợ kỹ thuật để tăng cường năng lực cho các tổ chức tài chính phù hợp mở rộng tín dụng cho các DNNVV; đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ phù hợp, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về tư vấn tài chính, quản lý đầu tư và các dịch vụ hỗ trợ khác cho khách hàng là đối tượng DNNVV; đào tạo, nâng cao năng lực lập dự án, phương án kinh doanh khi vay vốn*).
- Trợ giúp về mặt bằng sản xuất (*dành quỹ đất và thực hiện các biện pháp khuyến khích xây dựng các khu, cụm công nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuê làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh hoặc di dời ra khỏi nội thành, nội thị để bảo đảm cảnh quan môi trường*);
- Đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ, trình độ kỹ thuật (*đổi mới công nghệ, thiết bị kỹ thuật; nghiên cứu, phát triển công nghệ sản xuất các sản phẩm mới, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; giới thiệu, cung cấp thông tin về công nghệ, thiết bị cho các DNNVV, hỗ trợ đánh giá, lựa chọn công nghệ; hỗ trợ kinh phí đổi mới công nghệ*);
- Xúc tiến mở rộng thị trường (*hỗ trợ kinh phí thực hiện*);
- Tham gia kế hoạch mua sắm, cung ứng dịch vụ công (*dành tỉ lệ nhất định cho các DNNVV thực hiện các hợp đồng hoặc đơn đặt hàng để cung cấp một số hàng hóa, dịch vụ công*);

- Trợ giúp thông tin, cung cấp các dịch vụ tư vấn (*cung cấp thông tin về các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp, các chính sách, chương trình trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thông tin khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp*);
- Trợ giúp phát triển nguồn nhân lực (*hướng dẫn xây dựng kế hoạch trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực*);
- Vườn ươm doanh nghiệp (*hỗ trợ có thời hạn doanh nghiệp trong giai đoạn khởi sự theo quy trình và có hệ thống thông qua việc cung cấp cho các doanh nghiệp được ươm tạo không gian, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh các nguồn lực cần thiết nhằm giúp các doanh nghiệp hiện thực hóa, thương mại hóa các ý tưởng kinh doanh và công nghệ*).

Tuy Nghị định có đề cập đến việc thực hiện các hoạt động trợ giúp nêu trên đối với doanh nghiệp do nữ làm chủ, nhưng mới chỉ dừng lại ở những quy định rất chung chung, không có hướng dẫn cụ thể. Chính vì vậy, phần lớn các doanh nghiệp không biết có quy định về hỗ trợ doanh nghiệp do nữ làm chủ và nếu có thì cũng không biết được hỗ trợ như thế nào và làm thế nào để được hưởng hỗ trợ.

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017

Luật Hỗ trợ DNNVV 2017 đã có quy định rõ hơn về nguyên tắc áp dụng khi hỗ trợ DNNVV do nữ làm chủ: *“Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất. Trường hợp nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ hơn”*.

Các hình thức hỗ trợ áp dụng với doanh nghiệp nữ làm chủ thực hiện tương tự như các DNNVV khác, bao gồm:

- Hỗ trợ tiếp cận tín dụng
- Hỗ trợ thuế, kế toán
- Hỗ trợ mặt bằng sản xuất
- Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung
- Hỗ trợ mở rộng thị trường
- Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý
- Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực
- Hỗ trợ chuyển đổi thành mô hình doanh nghiệp từ hộ kinh doanh
- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

- Đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo
- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị
- Thành lập Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Các quy định chủ yếu còn mang tính chung chung, phần lớn các chính sách này có phạm vi đối tượng rộng, dàn trải với đối tượng được hỗ trợ là gần như toàn bộ các DNNVV mà chưa có sự định hướng riêng cho nhóm đối tượng đặc thù, đặc biệt là các DN khởi nghiệp.

Các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Hỗ trợ DNNVV: Nghị định 39/2018/NĐ-CP xác định nguyên tắc (điểm a khoản 3 Điều 4): *Doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước.*

Quyết định 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025"

Nhằm nâng cao nhận thức của phụ nữ về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về khởi nghiệp, thúc đẩy hiện thực hóa các ý tưởng kinh doanh, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 939/QĐ-TTg nhằm xây dựng chương trình hỗ trợ phụ nữ đổi mới sáng tạo phát triển kinh doanh và khởi nghiệp với một số hoạt động như:

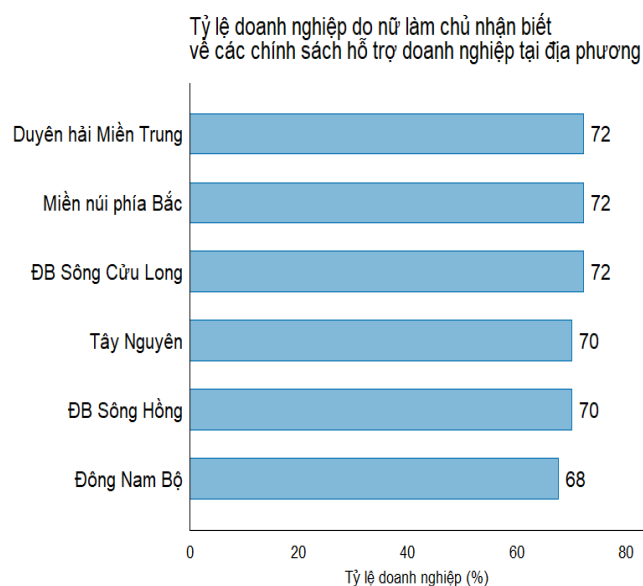
- Tổ chức Ngày Phụ nữ Khởi nghiệp tại các cấp Hội Phụ nữ.
- Lựa chọn các ý tưởng, mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh khả thi để hỗ trợ thực hiện, nhân rộng.
- Nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp nữ mới thành lập.
- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ Hội thông qua thiết lập cơ sở hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp của các cấp Hội.

Phấn đấu đến năm 2025 đạt được các mục tiêu:

- 90% cán bộ Hội chuyên trách các cấp tham gia triển khai Đề án được nâng cao nhận thức, phương pháp hỗ trợ phụ nữ về khởi nghiệp, phát triển kinh doanh.
- 70% hội viên phụ nữ được tuyên truyền, nâng cao nhận thức về việc làm, khởi nghiệp.
- Hỗ trợ 20.000 phụ nữ khởi sự kinh doanh và khởi nghiệp.
- Phối hợp, hỗ trợ thành lập 1.200 tổ hợp tác/hợp tác xã do phụ nữ quản lý.
- 100.000 doanh nghiệp của phụ nữ mới thành lập được tư vấn, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

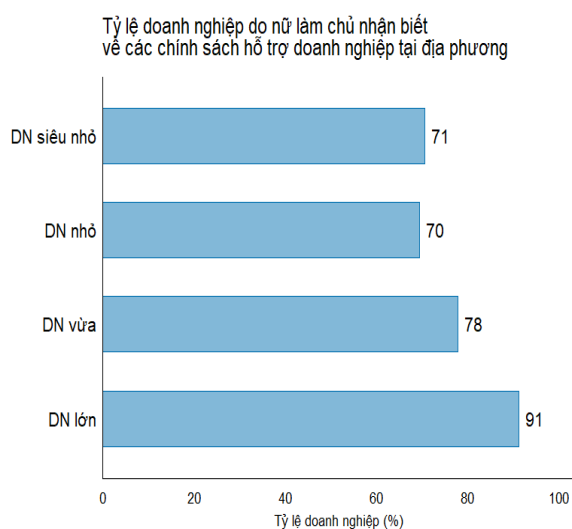
7.2 Nhận thức về DVHTKD

Tỷ lệ doanh nghiệp nữ nhận biết về các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ở địa phương trong các vùng trong cả nước là không ít, khoảng 68 đến 72% trên tổng số doanh nghiệp trả lời và gần như tương tự nhau ở các vùng trong cả nước.

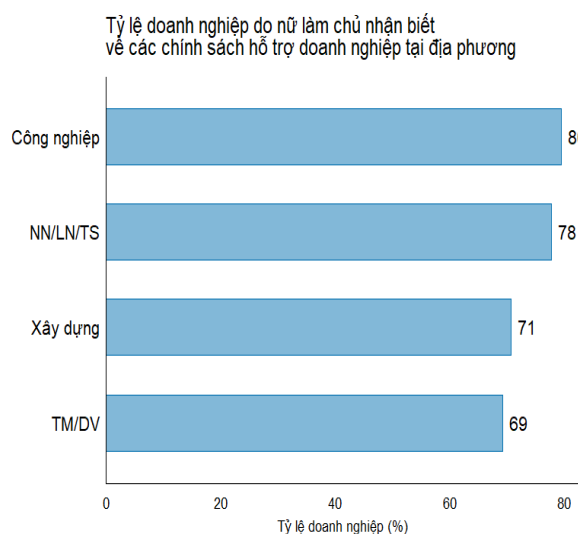


Hình 26: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ nhận biết về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương

Nhưng dường như có quy mô càng nhỏ thì doanh nghiệp càng ít nhận biết hơn, và tỷ lệ doanh nghiệp có nhận biết trong lĩnh vực thương mại/dịch vụ (lĩnh vực có đông doanh nghiệp nhất - có tới 73% số doanh nghiệp nữ hoạt động) lại nhận thức kém nhất về DVHTKD.



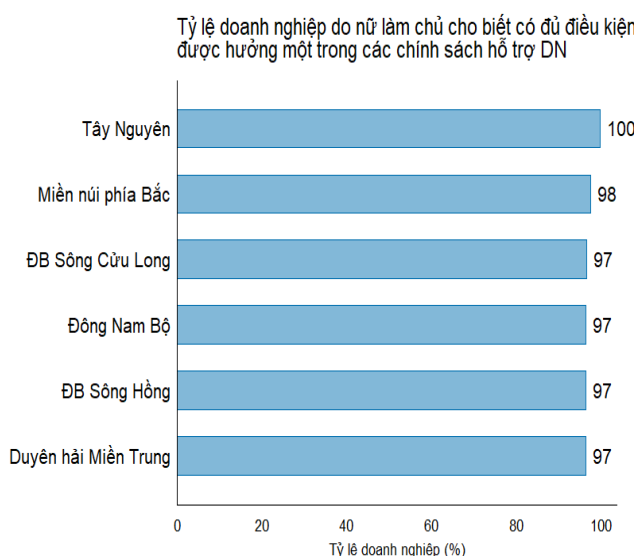
Hình 27: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ nhận biết về các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương (theo quy mô doanh nghiệp)



Hình 28: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ nhận biết về các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương (theo lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp)

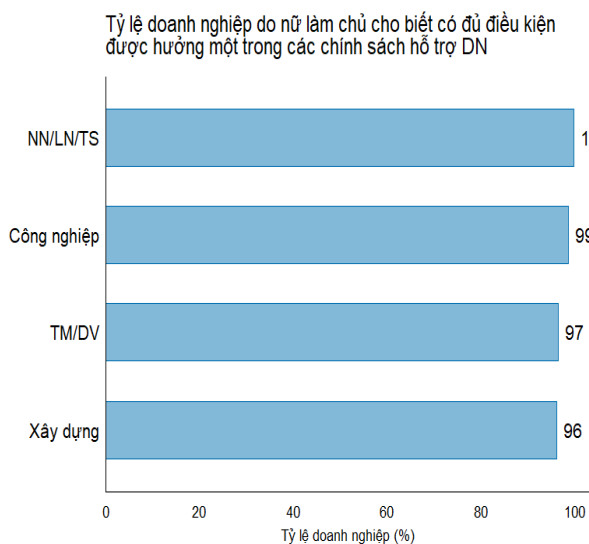
Tuy nhiên, kết quả này mới chỉ phản ánh việc doanh nghiệp có biết về chính sách hỗ trợ tại địa phương. Kết quả phỏng vấn sâu đối với các doanh nghiệp tại một số địa bàn khảo sát cho thấy, trong khi đánh giá cao hiệu quả của việc sử dụng các DVHTKD đối với hoạt động của doanh nghiệp, thì phần lớn các doanh nghiệp không nắm bắt được thông tin cụ thể về các nhà cung cấp dịch vụ có mặt trên thị trường, cùng với chất lượng và giá cả dịch vụ. Đặc biệt là với các dịch vụ tư vấn về tài chính, kế toán, thuế, kiểm toán, tư vấn pháp lý hoặc công nghệ... Điều này dẫn tới tình trạng là dù có nhu cầu, nhưng doanh nghiệp cũng không thể tìm được nhà cung cấp phù hợp.

Đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ, các chủ doanh nghiệp lớn tuổi, tâm lý ngại ngùng còn phổ biến, việc thiếu khả năng ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cũng là rào cản để các chủ doanh nghiệp có thể tiếp cận thông tin, kiến thức, kinh nghiệm kinh doanh trong và ngoài nước.

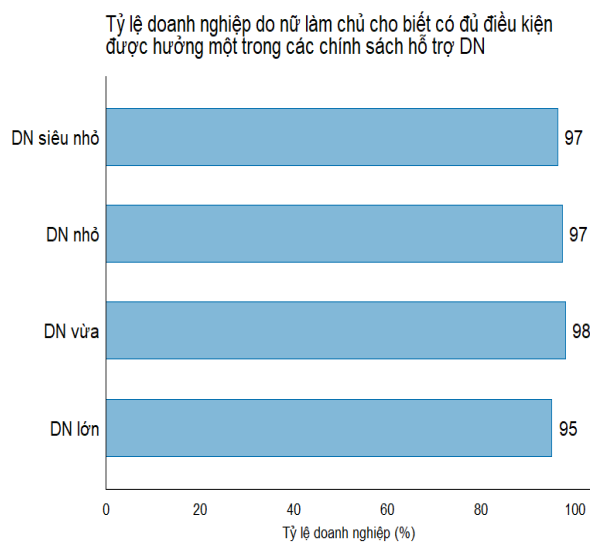


Hình 29: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ cho biết có đủ điều kiện được hưởng một trong các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

Ở 6 vùng của cả nước, hầu hết các doanh nghiệp do nữ làm chủ đều cho biết có đủ điều kiện được hưởng một trong các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ở địa phương. Tính theo lĩnh vực hoạt động hoặc quy mô doanh nghiệp thì kết quả này cũng tương tự.



Hình 30: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ có đủ điều kiện được hưởng một trong các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (theo lĩnh vực hoạt động doanh nghiệp)



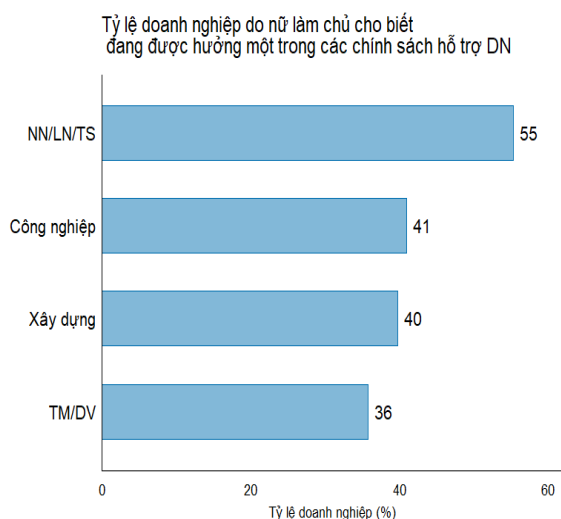
Hình 31: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ có đủ điều kiện được hưởng một trong các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (theo quy mô của doanh nghiệp)

Mặc dù hầu hết các doanh nghiệp đều cho rằng mình có đủ điều kiện để hưởng một trong các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ở địa phương, nhưng dường như quan điểm của các cơ quan nhà nước về hỗ trợ cho doanh nghiệp nữ lại theo chiều hướng khác. Gần như tất cả các cơ quan nhà nước được phỏng vấn đều cho rằng đang thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và không tổ chức/cung cấp DVHTKD riêng cho doanh nghiệp nữ/phụ nữ. Nhiều cơ quan không có thông tin về số lượng doanh nghiệp do nữ làm chủ hoặc số lượng lao động nữ trên địa bàn tỉnh/thành phố. Có cơ quan phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố tổ chức các khóa đào tạo cho doanh nghiệp nữ nhưng cũng không nắm được thông tin cụ thể đã tổ chức bao nhiêu khóa, bao nhiêu doanh nghiệp nữ được thụ hưởng... do “Hội Liên hiệp phụ nữ làm đầu mối nên Hội mới nắm rõ”.

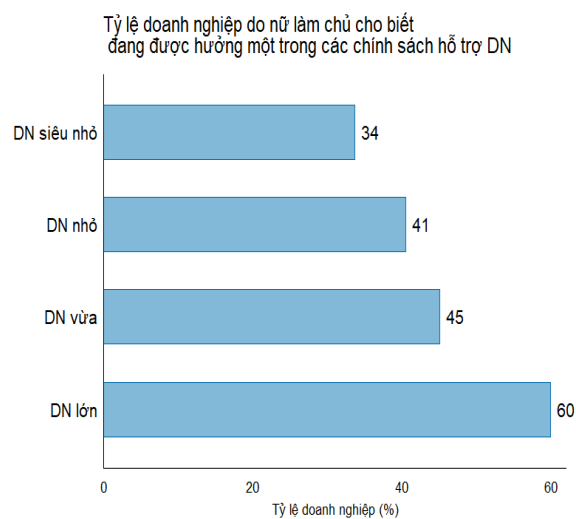
Tuy Luật Hỗ trợ DNNVV có quy định về ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nữ, nhưng Nghị định 39/2018/NĐ-CP¹¹ xác định nguyên tắc “Doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước” thì dường như các cơ quan này không chủ động cung cấp bất kỳ sự hỗ trợ nào cho doanh nghiệp nữ mà họ phải “chờ” DNNVV do nữ làm chủ tìm đến và hỗ trợ khi đủ điều kiện.

Và điều này thể hiện trên thực tế là, mặc dù có đủ điều kiện, có biết về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhưng tỷ lệ được hưởng hỗ trợ trên thực tế là rất thấp. Ở các vùng, tỷ lệ cao nhất là vùng Miền núi phía Bắc (46%), sau đó đến Đồng bằng Sông Cửu Long (44%), Tây Nguyên (39%), Duyên hải Miền Trung (35%), Đông Nam Bộ (35%) và thấp nhất là Đồng bằng Sông Hồng (30%).

¹¹ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (ban hành ngày 11/3/2018)



Hình 32: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ đang được hưởng một trong các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (theo lĩnh vực hoạt động doanh nghiệp)



Hình 33: Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ đang được hưởng một trong các chính sách tại hỗ trợ doanh nghiệp (theo quy mô của doanh nghiệp)

Điều đáng lưu ý ở đây là lĩnh vực có nhiều doanh nghiệp nhất (thương mại/dịch vụ) và doanh nghiệp có quy mô càng nhỏ thì càng được hỗ trợ ít nhất. Điều này minh chứng phần nào cho nhận định lâu nay rằng các cơ quan nhà nước có “ưu ái” hơn tới các doanh nghiệp lớn, kể cả khi tham vấn trong các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp.

Quá trình phỏng vấn sâu cũng cho thấy, đối với các hiệp hội doanh nghiệp, ngoại trừ các hiệp hội/hội/câu lạc bộ của riêng các doanh nghiệp/doanh nhân nữ, không có hiệp hội/hội doanh nghiệp nào có hỗ trợ riêng cho hội viên là doanh nghiệp nữ, họ coi đó là việc “riêng” của Hội liên hiệp Phụ nữ và các tổ chức của riêng doanh nghiệp/doanh nhân nữ.

Như vậy, mặc dù có thể coi nhóm doanh nghiệp nữ làm chủ là một đối tượng quan trọng, mặc dù luôn cho rằng họ “không phân biệt đối xử” nhưng dường như không có cơ quan nhà nước hay hiệp hội (không phải hiệp hội của doanh nhân nữ) có các hoạt động hỗ trợ cho doanh nghiệp theo mục tiêu cụ thể về giới.

7.3 Thực tiễn và thị trường cung cấp DVHTKD cho doanh nghiệp nữ

Các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh nói chung đang được nhiều tổ chức cung cấp, như các đơn vị thuộc khối cơ quan nhà nước, VCCI, các hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ, Viện nghiên cứu và các trường đại học, các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cũng tổ chức các câu lạc bộ doanh nhân nữ với các hoạt động đào tạo về các kiến thức tài chính và quản lý cơ bản.

7.3.1 DVHTKD chủ yếu do khối đơn vị công cung cấp

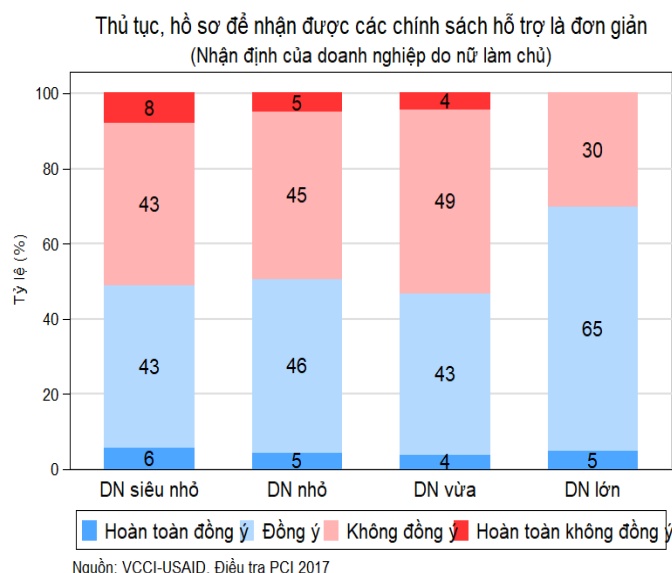
Thực tế tại Việt Nam, ngoại trừ ở 5 thành phố trực thuộc trung ương, thì hầu hết việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tại các tỉnh còn lại vẫn theo hướng truyền thống. Nghĩa là thiên về việc cung cấp các DVHTKD thông qua các tổ chức của khu vực công đảm nhiệm. Ví dụ, việc tổ chức các đoàn xúc tiến thương mại, kết nối kinh doanh... đều do các Trung tâm xúc tiến đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương... của tỉnh/thành phố thực hiện. Các trung tâm đào tạo lao động, tư vấn pháp lý, cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp cũng đều thuộc các Sở, ngành của tỉnh thành phố cung cấp. Một số tỉnh/thành phố có Trung tâm hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, có chức năng hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Trung ương, địa phương trong các lĩnh vực kích cầu, đầu tư, xúc tiến thương mại, đào tạo nguồn nhân lực, kết nối các doanh nghiệp thông qua tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, hợp tác quốc tế, xây dựng và quảng bá thương hiệu theo các đề án, chương trình, tổ chức hội nghị triển lãm, trưng bày các sản phẩm của doanh nghiệp, liên kết các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh hình thành các chuỗi sản xuất, cung ứng sản phẩm, liên kết tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp...

Thực tế cho thấy tại mỗi sở ngành của các tỉnh, đều có bộ phận và cán bộ cung cấp các dịch vụ tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp trong phạm vi chuyên môn của mỗi sở ngành. Các bộ phận này có thể được bố trí chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của chính quyền địa phương và sở ngành ở nhiều địa phương hiện nay tập trung chủ yếu vào những vấn đề sau:

- Hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính;
- Tập trung tháo gỡ vướng mắc khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các hội nghị đối thoại chính quyền/sở ngành với doanh nghiệp, hoặc tiếp nhận giải quyết khó khăn vướng mắc thông qua các bộ phận một cửa tại các sở ngành của tỉnh;
- Cung cấp thông tin cho doanh nghiệp thông qua các khóa đào tạo, tập huấn, ví dụ như các chương trình hỗ trợ pháp lý, trang bị kiến thức marketing, thương mại điện tử, kiến thức về thương mại quốc tế, ứng dụng, đổi mới công nghệ, quản trị tài chính... thường được tổ chức dưới hình thức hội nghị, lớp bồi dưỡng về kiến thức pháp luật trong sản xuất kinh doanh ...;
- Các chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh: tỉnh đã tổ chức hội chợ trong và ngoài tỉnh và mời các doanh nghiệp tỉnh tham gia, trong các chương trình này tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp chi phí thuê gian hàng giới thiệu sản phẩm, đôi khi cả chi phí vận chuyển.

- Tỉnh cung cấp các chương trình đào tạo lao động tại các doanh nghiệp, cung cấp lao động cho doanh nghiệp và chương trình thông tin giới thiệu việc làm cho người lao động.
- ...

Tuy nhiên, để nhận được hỗ trợ thì thủ tục, hồ sơ không hề đơn giản. Kết quả điều tra PCI 2017 cho thấy có tới 51% doanh nghiệp siêu nhỏ, 50% doanh nghiệp nhỏ, 53% doanh nghiệp vừa không cho rằng thủ tục, hồ sơ nhận các chính sách hỗ trợ là đơn giản.



Hình 34: Nhận định của doanh nghiệp do nữ làm chủ về thủ tục, hồ sơ để nhận được các chính sách hỗ trợ

Đối với một số cơ quan, ví dụ như Sở Tư pháp, nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước được cấp từ Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành do doanh nghiệp (chương trình 585) và từ tỉnh là rất hạn chế. Ở một số địa phương, nguồn nhân lực ngành luật cũng rất khiêm tốn, không thể đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp tại địa phương.

Tại một số tỉnh có tiềm năng du lịch hoặc định hướng du lịch thì cũng có tổ chức các hoạt động xúc tiến du lịch. Hoạt động xúc tiến du lịch do các địa phương tổ chức có các kết quả cũng rất khác nhau. Có địa phương chi khá nhiều tiền cho xúc tiến du lịch nhưng vẫn không đạt được hiệu quả như mong đợi, một phần do tiềm năng du lịch không hấp dẫn du khách.

Một số doanh nghiệp trong ngành du lịch tham gia khảo sát cũng đánh giá hoạt động xúc tiến du lịch của địa phương mình không hiệu quả. Các doanh nghiệp thẳng thắn nhìn nhận nguyên nhân chủ yếu là do trình độ quản lý yếu kém nên các hoạt động xúc tiến du lịch vẫn cũ và nhàm chán, không thu hút được du khách.

7.3.2 DVHTKD và hỗ trợ doanh nghiệp do Hội Liên hiệp phụ nữ cung cấp

Trong khuôn khổ có Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” (phê duyệt theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017, theo đề nghị của Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam), hoạt động hỗ trợ được các cấp Hội liên hiệp phụ nữ triển khai ở rất nhiều địa phương, nhận được sự phối hợp, hỗ trợ kịp thời giữa các ngành, các đơn vị, sự hỗ trợ về truyền thông và quan có sự hưởng ứng của chị em phụ nữ trong tỉnh về đề án này. Tuy nhiên phần lớn các kế hoạch này mới được triển khai từ năm 2018.

Ngày hội Phụ nữ khởi nghiệp lần đầu tiên được tổ chức ở cấp quốc gia diễn ra từ 12-15/10/2018 tại Trung tâm Phụ nữ và phát triển nhân kỷ niệm 88 năm thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10.

Cho đến nay, đã có 60/63 tỉnh/thành phố được Ủy ban Nhân dân (UBND) phê duyệt Đề án với tổng kinh phí hoạt động của năm 2018 là gần 56 tỷ đồng. Các cấp Hội tập trung truyền thông về khởi nghiệp bằng nhiều mô hình đa dạng, thông qua một chuỗi hoạt động hỗ trợ thiết thực với từng đề án. Các tỉnh/thành phố tổ chức Ngày Phụ nữ khởi nghiệp, tổ chức lựa chọn, hướng dẫn, hỗ trợ được 8.651 phụ nữ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp. Con số này (cả về ngân sách hỗ trợ và số lượng phụ nữ được hỗ trợ) là rất khiêm tốn. Bên cạnh đó, hoạt động của các Hội liên hiệp phụ nữ cũng chưa phải thực sự chuyên nghiệp, do trước đây thường tập trung làm công tác từ thiện và phong trào.

Một số địa phương mới triển khai việc tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh cho Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Về các hoạt động hỗ trợ cụ thể, đó là các hỗ trợ trong quá trình khởi nghiệp và phát triển kinh tế hộ gia đình như: vấn đề đầu ra sản phẩm, vay vốn ưu đãi, khoan nợ, giãn nợ khi gặp rủi ro; việc hỗ trợ kiến thức khoa học kỹ thuật để ứng dụng vào quá trình sản xuất cũng như phương tiện, máy móc trong chế biến sản phẩm; vấn đề xây dựng thương hiệu, nhãn mác hàng hóa; hỗ trợ việc liên kết giữa các nhóm hộ trong quá trình sản xuất-kinh doanh... Nhiều địa phương ưu tiên hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo, khó khăn, phụ nữ là người dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật, phụ nữ sống tại địa bàn khó khăn, ven biển, đầm phá, địa bàn chuyên đổi đất nông nghiệp. Tuy vậy, phong trào phụ nữ khởi nghiệp trên địa bàn nhiều tỉnh vẫn còn gặp nhiều khó khăn, các mô hình khởi nghiệp còn ít lại chủ yếu đều ở giai đoạn manh nha, nhỏ lẻ, chủ yếu hỗ trợ thành lập các mô hình kinh tế tập thể như tổ liên kết, tổ hợp tác và hợp tác xã, tổ nghề truyền thống, tổ tự quản do phụ nữ quản lý, hộ kinh doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác của phụ nữ, có địa phương hỗ trợ phụ nữ mở dịch vụ nấu ăn, mở quán ăn sáng, cửa hàng tạp hóa, tổ chức các phiên chợ....

Đã có không ít phụ nữ khởi nghiệp thành công, song số lượng và quy mô vẫn còn rất nhỏ.

Một số tỉnh/thành phố có hỗ trợ vốn vay cho phụ nữ, ví dụ như ở Bắc Ninh. Đối tượng được vay vốn là phụ nữ có ý tưởng khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp; phụ nữ có nhu cầu khởi sự kinh doanh; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh do phụ nữ làm chủ có dự án, ý tưởng khởi nghiệp tiêu biểu phù hợp với đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”, ưu tiên phụ nữ thuộc hộ nghèo, khó khăn, phụ nữ khuyết tật, phụ nữ sống tại địa bàn chuyển đổi đất nông nghiệp. Giai đoạn 2018-2020 phê duyệt khái toán kinh phí trên 24 tỷ đồng trong đó 20 tỷ được trích từ nguồn ngân sách của tỉnh hỗ trợ ủy thác thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội để hỗ trợ Phụ nữ khởi nghiệp vay. Mỗi dự án sẽ được vay tối đa 2 tỷ đồng, lãi suất cho vay là 5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Thời hạn vay vốn không quá 60 tháng; gồm cho vay ngắn hạn (từ 12 tháng trở xuống), cho vay trung (trên 12 tháng đến 60 tháng).

Về điều kiện vay vốn, đối với cơ sở sản xuất kinh doanh do phụ nữ làm chủ phải được thành lập và hoạt động hợp pháp, có dự án vay vốn khả thi tại địa phương, phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh, có xác nhận của UBND cấp xã nơi thực hiện dự án và có khả năng tài chính để trả nợ. Đối với cá nhân phải có phương án vay vốn khả thi tại địa phương, phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh, có xác nhận của UBND cấp xã và có khả năng tài chính để trả nợ.

Như vậy, các thủ tục, điều kiện để được vay vốn là không đơn giản.

Ngoài ra, Học viện Phụ nữ Việt Nam (cơ sở giáo dục đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam) cũng có một số chương trình đào tạo cho nữ doanh nhân.

Trên website của Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có mở chuyên mục Phụ nữ khởi nghiệp¹² để truyền thông các hoạt động, tuy nhiên mới chỉ dừng lại ở dạng tin tức về một số tấm gương/trường hợp khởi nghiệp thành công.

Một số Viện, trường đại học cũng có các đơn vị cung cấp DVHTKD. Ví dụ như Trung tâm Chuyên gia Tri thức và Hỗ trợ khởi nghiệp (VNU - CSK) của Đại học Quốc gia Hà Nội (có tiền thân là Trung tâm Hợp tác và Chuyên gia Tri thức thành lập tháng 12/2011; tháng 3/2017 được đổi tên gọi và bổ sung chức năng nhiệm vụ), VNU-CSK hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:

- Sở hữu trí tuệ;
- Giám định công nghệ (TLO);
- Kết nối cung cầu khoa học công nghệ;

¹² <http://hoilhpn.org.vn/news.asp?CatId=315&lang=VN>

- Chuyển giao tri thức;
- Hỗ trợ Khởi nghiệp;
- Đào tạo;
- Du học;
- Cung ứng nhân lực chất lượng cao.

Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (thành lập tháng 4/2018) là cơ sở nghiên cứu khoa học độc lập, trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ. Học viện này bên cạnh chức năng nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đào tạo sau đại học, thì cũng có các hỗ trợ, thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, tư vấn, cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ...

7.3.3 DVHTKD do các hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp cung cấp

Ngoài các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp của Nhà nước, Hội Liên hiệp phụ nữ, thì các hiệp hội/hội/câu lạc bộ doanh nghiệp nữ có hỗ trợ hội viên của mình theo nhiệm vụ ghi trong Điều lệ, trong đó có phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên và hỗ trợ hội viên phát triển sản xuất, kinh doanh thông qua cung cấp thông tin, tư vấn, đào tạo, kết nối doanh nhân, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, đầu tư.

Về thông tin thị trường, xúc tiến thương mại và triển lãm: các Hiệp hội nhận được thông tin từ một số Sở và sẽ thông báo tới hội viên, giới thiệu cho các hội viên tham gia các chương trình hội chợ, xúc tiến thương mại của Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Thương mại... Hiệp hội tạo điều kiện cho các hội viên tham gia các chương trình kết nối doanh nghiệp với doanh nghiệp trên cùng một tỉnh/thành phố và với doanh nghiệp ở địa phương khác, và có thể cả với một số đối tác nước ngoài.

Về thông tin pháp luật, có hiệp hội mua thông tin của các trang thông tin văn bản pháp luật để cập nhật thông tin chính sách pháp luật cho hội viên. Một số hiệp hội có website, trang facebook riêng để doanh nghiệp cập nhật thông tin pháp luật trên bản tin.

Về tiếp cận công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ có các chương trình về sở hữu trí tuệ, năng suất chất lượng và đổi mới công nghệ.

Các Hiệp hội có tổ chức đào tạo cho doanh nghiệp hội viên, chủ đề tùy theo vấn đề thời sự hoặc theo nhu cầu của hội viên, đối với các khóa học tổ chức độc lập thì có thu phí, đối với những khóa học phối hợp với UBND tỉnh/thành phố thì sẽ được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, các Hiệp hội doanh nghiệp hỗ trợ chung cho các hội viên mà không thiết kế riêng cho đối tượng nữ.

Về các Hiệp hội, Hội, Câu lạc bộ doanh nghiệp nữ: có nhiều câu lạc bộ nữ doanh nhân nhưng mới đang hoạt động chủ yếu ở dạng diễn đàn để các thành

viên chia sẻ thông tin, thư giãn, tổ chức các hoạt động xã hội, từ thiện... Số lượng Hiệp hội doanh nghiệp nữ hiện nay còn rất khiêm tốn, phần lớn không có website riêng của hiệp hội, còn gặp nhiều khó khăn trong hoạt động (cũng như rất nhiều hiệp hội doanh nghiệp khác) nên việc hỗ trợ cho các doanh nghiệp nữ đang rất hạn chế.

VCCI (thông qua Hội đồng doanh nhân nữ - VWEC) cũng có cung cấp các DVHTKD cho doanh nghiệp nữ. VWEC và các hiệp hội nữ doanh nhân đã thiết kế và tổ chức các khóa đào tạo cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ để nâng cao kiến thức và kỹ năng kinh doanh; và thành lập mạng lưới hỗ trợ doanh nghiệp do nữ làm chủ. Một hoạt động đáng chú ý của VWEC là WECREATE Việt Nam. Ra đời tháng 6/2016, WECREATE được thực hiện bởi VWEC và tổ chức Hòa bình và phát triển Tây Ban Nha, WECREATE Việt Nam là một phần của sáng kiến hợp tác giữa Bộ ngoại giao Hoa Kỳ và Startup Cup, là nơi hỗ trợ những người phụ nữ muốn khởi tạo doanh nghiệp hoặc muốn phát triển doanh nghiệp. WECREATE Việt Nam được thiết kế theo cách hỗ trợ các phụ nữ tiếp cận các nguồn lực cần thiết để vượt qua những rào cản và khởi tạo hay phát triển doanh nghiệp của mình. Dự án cung cấp các buổi huấn luyện, kết nối kinh doanh, các buổi đào tạo đặc thù, kết nối với thị trường, nguồn vốn cũng như các công nghệ và nguồn lực cần thiết để nâng tầm bất kỳ doanh nghiệp nào. Thành viên của cộng đồng WECREATE Việt Nam được tiếp cận mạng lưới huấn luyện, mentor, các chương trình xây dựng doanh nghiệp, các buổi thuyết trình Pitch-O-Rama, không gian làm việc chung, các sự kiện và mạng lưới vườn ươm doanh nghiệp, các công cụ diễn họa ý tưởng....

Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp khác do nguồn lực hạn chế và còn phụ thuộc vào các dự án với các đối tác, nhà tài trợ nên số lượng doanh nghiệp nữ được hưởng lợi là chưa nhiều.

Đối với các DVHTKD do các doanh nghiệp (thuộc cả khối công lập và tư nhân) cung cấp: hầu hết các DVHTKD đều liên quan tới các ngành nghề đăng ký kinh doanh có điều kiện. Ví dụ như tư vấn về pháp luật, về kế toán, thuế, công nghệ... Mặc dù từ gần đây đã có những gỡ bỏ rào cản gia nhập thị trường cho các doanh nghiệp trong những lĩnh vực này, khi một loạt quy định mới liên quan tới cắt giảm điều kiện kinh doanh đã được thực hiện, nhưng trên thực tế việc gia nhập thị trường của các doanh nghiệp tư nhân vẫn còn không ít khó khăn.

Điều tra PCI 2017 cho thấy riêng trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, trong số những doanh nghiệp cần có giấy phép kinh doanh có điều kiện, thì có tới 42% cho biết gặp khó khăn trong việc xin những loại giấy phép này.

Thực tiễn khảo sát tại các địa phương cũng cho thấy, ngoại trừ 5 thành phố trực thuộc trung ương, thì số lượng nhà cung cấp DVHTKD của tư nhân, cụ thể là tư vấn pháp lý, đại lý thuế, dịch vụ kế toán, hải quan... là tương đối ít, thậm chí một số dịch vụ như tư vấn thuế còn không có tại một số địa phương.

7.3.4 DVHTKD do các Viện, tổ chức phi Chính phủ, các dự án cung cấp

Với sự quan tâm ngày càng lớn của các đối tác, nhà tài trợ đối với doanh nghiệp nữ, những năm gần đây đã có nhiều các tổ chức tham gia vào lĩnh vực này. Một số ví dụ có thể kể đến như: như Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia hỗ trợ Mạng lưới Doanh nghiệp Việt Nam hỗ trợ phát triển quyền năng phụ nữ (VBCWE) (ra mắt tại Hà Nội ngày 27/9/2018). VBCWE là mạng lưới các doanh nghiệp lớn tại Việt Nam cam kết đảm bảo thúc đẩy bình đẳng giới cả trong và ngoài phạm vi công ty mình, được thành lập thông qua dự án Investing in Women (Đầu tư cho phụ nữ) - một sáng kiến của Chính phủ Australia. VBCWE hiện đang hỗ trợ các thành viên mạng lưới (ban đầu có 7 thành viên sáng lập với tổng số nhân viên khoảng 120 nghìn người) đạt được chứng chỉ EDGE, một tiêu chuẩn toàn cầu đánh giá các chính sách và chế độ của doanh nghiệp về bình đẳng giới ở nơi làm việc; đồng thời giúp đỡ các công ty từng bước triển khai hành động nhằm tạo ra một môi trường làm việc bình đẳng và mang lại nhiều lợi ích hơn.

Tổ chức Phát triển Hoa kỳ (USAID) cũng có hỗ trợ cho bình đẳng giới và nâng cao vị thế của phụ nữ. Trung tâm hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp - WECREATE Việt Nam tại Hà Nội là trung tâm đầu tiên ở Việt Nam cũng là thứ 5 trên thế giới có chức năng quản lý, vận hành các dự án hỗ trợ nguồn lực, giáo dục, đào tạo về kinh doanh cho phụ nữ, giúp họ khởi nghiệp thành công, mang lại lợi ích cho gia đình và cộng đồng. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tài trợ việc thành lập trung tâm này thông qua tổ chức Startup Cup. WECREATE đã được đề cập tại phần trên (liên quan đến hoạt động của Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam, Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Sáng kiến Hỗ trợ Phụ nữ Khởi nghiệp và Kinh doanh (WISE) được thành lập vào tháng 3/2017 bởi Chương trình Hỗ trợ Khu vực Tự nhân vùng Mekong – MBI (đồng tài trợ bởi Chính phủ Úc và Ngân hàng Phát triển Châu Á – ADB), hỗ trợ bởi Swiss EP và Không gian Khởi nghiệp Đổi mới Sáng tạo (SIHUB). WISE thiết lập quan hệ đối tác với nhiều tổ chức hoạt động tích cực trong mảng phát triển, những vườn ươm tạo, hiệp hội doanh nghiệp và đơn vị cung cấp dịch vụ trong hệ sinh thái khởi nghiệp để thực hiện sứ mệnh kết nối và tạo ra cơ hội cho phụ nữ khởi nghiệp tại Việt Nam, hướng tới mở rộng tại khu vực Mekong, nhằm giúp họ khởi sự, bền vững và lớn mạnh. WISE cung cấp miễn phí các DVHTKD, thông qua các hội thảo, tọa đàm, tập huấn, mời các doanh nghiệp tham gia chương trình cố vấn khởi nghiệp quốc tế và trong nước, tham gia các nghiên cứu (ví dụ: Hệ sinh thái khởi nghiệp Việt Nam và Phụ nữ trong kinh doanh), tổ chức cuộc thi và trao giải phụ nữ khởi nghiệp. Mạng lưới WISE có khoảng 10 nghìn thành viên trong cộng đồng tương tác. WISE sử dụng công nghệ và mạng xã hội để kết nối các thành viên.

Qualcomm và Quỹ Cherie Blair vì Phụ nữ thông báo ra mắt Dự án DevelopHer để trao quyền và tạo điều kiện cho nữ doanh nhân Việt Nam trở thành những chủ doanh nghiệp thành đạt và đặt mục tiêu có 3.000 nữ doanh nhân Việt Nam khởi nghiệp được hỗ trợ qua ứng dụng DevelopHer năm 2018 (ra mắt 14/6/2018). DevelopHer cung cấp ứng dụng học tập trên thiết bị di động và hỗ trợ cố vấn trực tuyến cho các nữ doanh nhân, giúp họ vượt qua những thách thức trong kinh doanh. Dự án DevelopHer đã giới thiệu ứng dụng HerVenture trên thiết bị di động ở Việt Nam để cung cấp một phương tiện giá rẻ và linh hoạt cho các nữ chủ doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, giúp họ tiếp cận những bài học, gợi ý và hoạt động hỗ trợ kinh doanh để đưa doanh nghiệp của mình lên những giai đoạn phát triển mới. Ứng dụng di động này có năm hợp phần xây dựng kiến thức và kỹ năng kinh doanh. Cách tiếp cận đa hướng này giúp phụ nữ có được những thông tin quan trọng cần cho việc phát triển kỹ năng, sự tự tin và khả năng điều hành doanh nghiệp hiệu quả hơn. Cách làm này cũng hỗ trợ các nữ doanh nhân có nhiều tiềm năng, những người có thể tuyển dụng và cố vấn cho người khác, trở thành những nhà lãnh đạo trong cộng đồng.

Dự án Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Sóc Trăng với nguồn tài trợ không hoàn lại từ Chính phủ Canada đã hỗ trợ tích cực cho sự phát triển của cộng đồng DNNVV tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình triển khai, Dự án luôn quan tâm đến việc hỗ trợ những DNNVV do phụ nữ làm chủ để các doanh nghiệp này có thể tiếp cận và hưởng lợi từ Dự án.

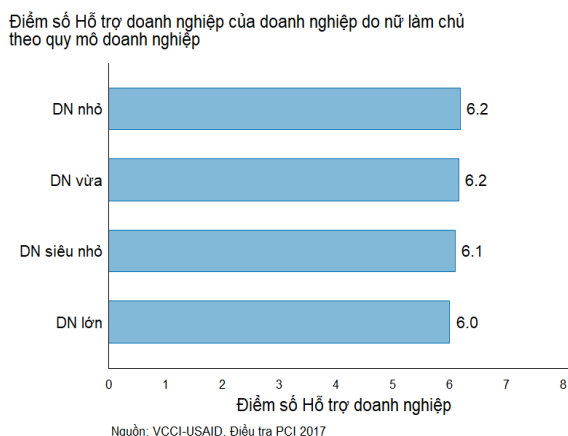
Facebook đã chính thức ra mắt chương trình “Phụ nữ là doanh nhân” (#Phunuladoanhnhân) tại Việt Nam vào ngày 20-9, tại Hà Nội. Sáng kiến này sẽ được triển khai trong chương trình hợp tác cùng với Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam, nhằm hỗ trợ các nữ doanh nhân thông qua đầu tư và phát triển công nghệ đào tạo và nâng cao năng lực. Theo đó, thông qua chuỗi các hội thảo, khóa đào tạo và nguồn lực trực tuyến, chương trình “Phụ nữ là doanh nhân” sẽ trang bị cho doanh nhân nữ những kiến thức, sự kết nối, kỹ năng công nghệ cần thiết để xây dựng và phát triển hoạt động kinh doanh trực tuyến của họ.

7.4 Chất lượng của các DVHTKD

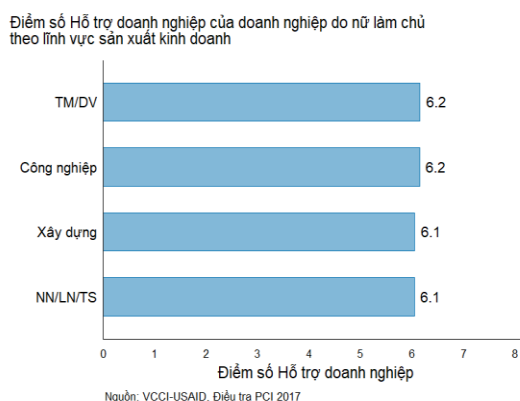
7.4.1 Chất lượng của dịch vụ do khối công lập cung cấp

Nghiên cứu PCI đã chỉ ra rằng sự phát triển của các DVHTKD (từ tìm kiếm thông tin kinh doanh, xúc tiến thương mại, tư vấn pháp luật, dịch vụ về công nghệ, đào tạo về quản trị doanh nghiệp, dịch vụ về lao động...) trừ 5 thành phố trực thuộc trung ương, thì tại phần lớn các tỉnh, thành phố tại Việt Nam còn rất hạn chế, thậm chí có chất lượng thấp. Điều này có thể lý giải ít nhiều cho hiện tượng số lượng doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động, giải thể, phá sản đang gia

tăng, khi họ không tìm kiếm được những dịch vụ tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp cần thiết cho quá trình tái cơ cấu để duy trì hoạt động.

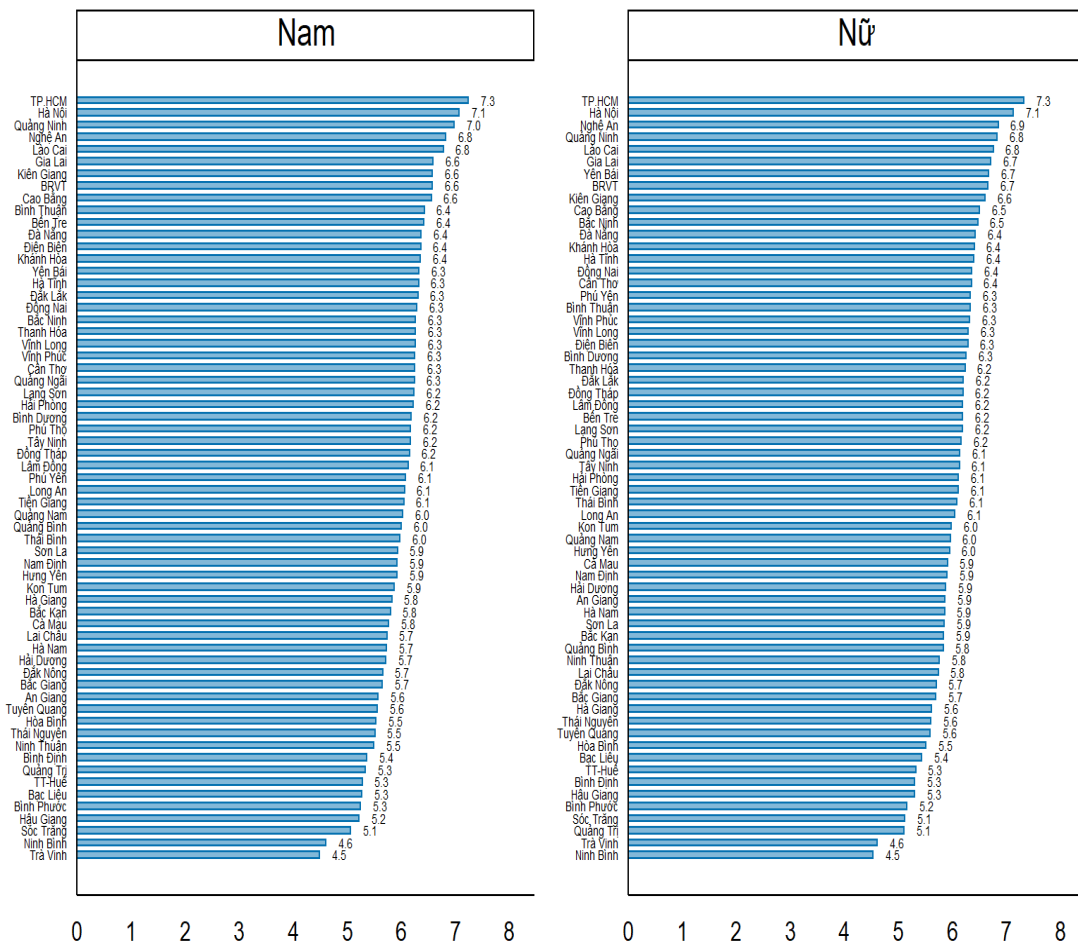


Hình 35: Đánh giá của doanh nghiệp do nữ làm chủ theo quy mô doanh nghiệp về chất lượng hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp ở địa phương



Hình 36: Đánh giá của doanh nghiệp do nữ làm chủ trong các lĩnh vực về chất lượng hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp ở địa phương

Dù đánh giá từ các doanh nghiệp được phân loại theo quy mô hay theo lĩnh vực hoạt động thì điểm số hỗ trợ doanh nghiệp theo tỉnh chỉ ở mức trên trung bình một chút, chưa được trung bình khá (từ 6,0 đến 6,2 điểm/10).



Điểm số Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh

Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2017

Hình 37: Điểm số đánh giá hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của các tỉnh (phân tách theo giới của chủ doanh nghiệp)

Đối với từng tỉnh, chỉ có hai thành phố có điểm do doanh nghiệp đánh giá trên 7/10 (Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh, còn lại là từ 4,5 đến 6,9), số liệu này cho thấy ở hầu hết các tỉnh/thành phố, chất lượng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp là hạn chế.

Hầu hết các tỉnh đều có trung tâm xúc tiến thương mại và đều có tổ chức các chương trình hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại. Trung bình mỗi năm, các doanh nghiệp cho biết, mỗi tỉnh tổ chức trung bình 10 hội chợ thương mại, tỉnh ít nhất là 4 cuộc, tỉnh nhiều nhất là 20 cuộc. Có đến 59% các doanh nghiệp tham gia khảo sát PCI năm 2017 đã từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại, trong đó đa số là các hoạt động do cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, đây lại là lĩnh vực mà các doanh nghiệp ít muốn tiếp tục sử dụng dịch vụ nhất, chỉ 60% doanh nghiệp cho biết họ sẽ tiếp tục sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại, so với các dịch vụ thông tin thị trường, tư vấn pháp luật, tìm kiếm

đối tác kinh doanh, đào tạo về công nghệ, kế toán tài chính hay quản trị doanh nghiệp.

Các cơ quan nhà nước cũng tích cực thực hiện các hoạt động phổ biến kiến thức, chính sách, quy định mới cho các doanh nghiệp, đặc biệt là trong một số lĩnh vực thường xuyên có tiếp xúc như thuế, hải quan, lao động. Đối với những doanh nghiệp từng tham gia các hoạt động tập huấn này thì đều hài lòng về chất lượng của hoạt động. Có doanh nghiệp cho biết họ đã từng được lựa chọn để tham gia các dự án hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất của chính quyền và rất hài lòng về hoạt động này.

Tuy nhiên, cả các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý đều chung nhận xét là chất lượng hoạt động tư vấn, đào tạo này phụ thuộc khá nhiều vào chất lượng giảng viên được thuê. Nếu có giảng viên tốt thì khoá tập huấn, đào tạo sẽ mang lại hiệu quả cao.

Mặc dù hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đã được đẩy mạnh và nhận được rất nhiều quan tâm và nỗ lực của lãnh đạo chính quyền và sở ngành địa phương, bên cạnh những điều đã đạt được, thì ở không ít các địa phương vẫn vẫn tồn tại những hạn chế sau:

- Nhiều địa phương chưa có chương trình phát triển các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp một cách tổng thể. Nhận định từ một cán bộ tỉnh cho thấy: “Tỉnh chưa có chương trình hoạt động cụ thể rõ ràng và hiệu quả rõ trong hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Các chương trình đề án hỗ trợ doanh nghiệp phát triển chưa có ban chỉ đạo chung, chưa có kế hoạch tổng thể, hoạt động vẫn mang nặng cảm tính”;
- Các kế hoạch chương trình hỗ trợ doanh nghiệp thường bị chia nhỏ theo từng năm và giới hạn trong nội bộ từng sở, ngành, chính vì vậy hiệu quả của hoạt động thường kém, không có tác động rõ rệt, thêm vào đó còn gây ra rất nhiều lãng phí về mặt kinh tế và kém hiệu quả trong sử dụng ngân sách nhà nước. Việc triển khai thực hiện sẽ phụ thuộc vào hành động của từng sở, điều này dẫn đến tình trạng có sở sẽ chủ động và tích cực trong thực hiện các đề án hỗ trợ doanh nghiệp và ngược lại sẽ có sở ngành không chủ động tích cực tiến hành hoạt động này;
- Tình trạng chung về việc thiếu kinh phí và không có nguồn lực trong triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp. Nhiều chương trình đề án hỗ trợ doanh nghiệp chỉ xây dựng được kế hoạch nhưng thiếu kinh phí nên chưa triển khai được;
- Chất lượng công tác đào tạo, tập huấn chưa cao, mở nhiều chương trình, nhiều khóa, nhiều lớp tập huấn nhưng mang nặng hình thức, chỉ chú trọng về số lượng lớp học được tổ chức và số học viên tham dự. Chưa chú trọng

đến chất lượng, chưa đáp ứng đúng nhu cầu của doanh nghiệp, nội dung khóa học không thiết thực, không liên quan nhiều tới doanh nghiệp, nội dung các khóa học chưa đáp ứng được kỳ vọng của doanh nghiệp. Một doanh nghiệp tại Bắc Ninh cho biết: “tỉnh đã tổ chức khá nhiều khoá đào tạo nhưng không phải là những nội dung doanh nghiệp cần và quan tâm, tỉnh chỉ cung cấp cái tỉnh có mà chưa nắm bắt cái doanh nghiệp cần”;

- Hầu hết các tỉnh đều chưa tiến hành khảo sát đánh giá về chất lượng dịch vụ cung ứng, do vậy thiếu vắng cơ sở cho việc cải thiện chất lượng, hiệu quả các hoạt động;
- Không ít nơi vẫn chưa minh bạch hóa được việc triển khai các chính sách chương trình hỗ trợ doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp cho biết không được kịp thời thông tin về những chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp, hoặc tỉnh có chính sách ưu đãi nhưng doanh nghiệp không thể hoặc rất khó tiếp cận. Lãnh đạo một Hiệp hội doanh nghiệp cho biết: “Chính sách hỗ trợ vay vốn tín dụng thì có nhưng các thủ tục để đáp ứng được các chính sách ưu đãi này vô cùng phức tạp và khó khả thi”. Các chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ của tỉnh cũng nằm trong tình trạng tương tự: các hoạt động lựa chọn doanh nghiệp để hỗ trợ trong khuôn khổ chương trình chỉ diễn ra trong nội bộ lãnh đạo sở, chưa công khai minh bạch và có bên thứ ba tham dự đánh giá và giám sát. Còn tình trạng chỉ những doanh nghiệp lớn mới có thể tiếp cận thông tin về các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh. Kết quả chỉ các doanh nghiệp lớn thì lại tận dụng được các chương trình hỗ trợ, trong khi đối tượng cần đặc biệt quan tâm hỗ trợ là các doanh nghiệp nhỏ thì lại không biết và khó tiếp cận;
- Thiếu vắng hoạt động dịch vụ tư vấn về tài chính, kế toán, thuế, kiểm toán, tư vấn pháp lý doanh nghiệp...
- Hoạt động xúc tiến đầu tư còn rất yếu, thiếu vắng các kênh thông tin về thị trường, kết nối đối tác, bạn hàng và các nhà cung cấp, các kênh tư vấn về nhãn hàng, xây dựng thương hiệu, sản phẩm, tư vấn về chính sách kinh tế, quy hoạch phát triển...
- Cơ chế phối hợp giữa sở ngành trong công tác tháo gỡ khó khăn và thực hiện hoạt động hỗ trợ của doanh nghiệp còn nhiều hạn chế và kém hiệu quả.

Ở một góc độ nào đó, trong nhiều trường hợp, cơ quan nhà nước hoặc các tổ chức có ngân sách nhà nước đang cung cấp miễn phí hoặc tham gia sâu vào cung cấp DVHTKD sẽ tạo nên sự méo mó của thị trường.

7.4.2 Chất lượng của dịch vụ do khối tư nhân cung cấp

Báo cáo này không có số liệu khảo sát đánh giá doanh nghiệp về chất lượng dịch vụ do khối tư nhân cung cấp, do PCI chỉ khảo sát đánh giá của doanh

nghiệp về chất lượng điều hành của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, nhìn vào những con số của điều tra PCI về nhu cầu sử dụng DVHTKD của doanh nghiệp (chỉ khoảng từ 35% trở xuống), thì một mặt có thể thấy, còn nhiều việc phải làm để thay đổi thói quen của doanh nghiệp trong việc sử dụng DVHTKD, mặt khác nó cũng phản ánh một phần câu chuyện cung chưa thực sự đến được với cầu.

Với rất nhiều đối tác cung cấp DVHTKD, chất lượng các dịch vụ cũng rất đa dạng, nhưng lại có ít cơ chế giúp người sử dụng đánh giá được chất lượng dịch vụ. Tuy nhiên, các đơn vị cung cấp DVHTKD thuộc khối tư nhân luôn nhận thức được sự tồn tại của mình phụ thuộc vào mức độ hài lòng của khách hàng chứ không phải từ một nguồn lực bao cấp nào, do đó, họ luôn phải nỗ lực để cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ.

7.5 Thực tiễn tốt về cung cấp DVHTKD cho các doanh nghiệp nữ

Mặc dù để thành lập một doanh nghiệp, nam và nữ đều phải thực hiện những bước giống nhau và có thể gặp những trở ngại như nhau, nhưng đối với phụ nữ khi thành lập và phát triển doanh nghiệp, họ gặp nhiều khó khăn hơn, đó là do những chênh lệch về kinh nghiệm nghề nghiệp, trình độ học vấn, mức độ khó khăn khi tiếp cận các hỗ trợ cần thiết, còn có những yếu tố cản trở trong môi trường pháp lý như rất nhiều người chưa có quyền sở hữu đối với tài sản - để họ có thể dùng tài sản làm thế chấp đi vay vốn ngân hàng.

Những chính sách và chương trình phát triển DNVVN chung chung thường thu hút được ít phụ nữ tham gia. Do vậy, để khuyến khích phụ nữ tham gia làm kinh tế cần có một số chính sách, chương trình hỗ trợ riêng cho họ.

Bên cạnh đó, các chương trình đào tạo dành riêng cho phụ nữ, hỗ trợ kỹ thuật và phát triển mạng lưới kinh doanh là những hỗ trợ cần thiết và đã được chứng minh đem lại hiệu quả tốt. Rất cần có những chương trình hỗ trợ riêng cho khối doanh nghiệp nữ vì thường những chương trình này đáp ứng được những yêu cầu cụ thể và thông tin được truyền tải theo cách thức phù hợp với nhóm đối tượng cụ thể này. Tuy nhiên cần thường xuyên theo dõi và đánh giá kết quả hoạt động và tác động của những chương trình hỗ trợ riêng này để tiếp tục nâng cao hiệu quả của các chương trình này.

Hơn nữa, ban hành một chính sách mới hay triển khai một chương trình mới là cần thiết, nhưng chưa phải là điều kiện đủ để các doanh nhân nữ được hỗ trợ kịp thời và thường xuyên. Cần có sự tham gia của nhiều thành phần trong xã hội để đảm bảo sự thành công của các chương trình hỗ trợ riêng này cũng như việc xây dựng và phát triển các tổ chức hội hay mạng lưới doanh nhân nữ. Sự tham gia này cũng sẽ góp phần giảm bớt gánh nặng về ngân sách cũng như gánh nặng về quản lý của các cơ quan nhà nước.

7.5.1 Xây dựng khung chiến lược về phát triển doanh nghiệp nữ (kinh nghiệm của nước Anh)

Theo số liệu của global entrepreneurship monitor, tỷ lệ doanh nghiệp nữ ở Anh là kém lợi thế so với tỷ lệ doanh nghiệp do nam làm chủ, đặc biệt nếu so với Mỹ, Canada và Pháp. Đây là bằng chứng đưa ra của một trong những nghiên cứu khiến Chính phủ Anh phải thừa nhận rằng doanh nghiệp nữ cần được hỗ trợ nhiều hơn. Khung chiến lược về phát triển doanh nghiệp nữ được Bộ Thương mại và Công nghiệp Anh (DTI)¹³ ban hành vào tháng 5 năm 2003¹⁴. Tổ chức Prowess¹⁵ đóng vai trò chủ chốt trong việc thiết kế khung chiến lược này.

Các chính sách trong Khung Chiến lược được phân thành 3 nhóm đơn giản nhưng rất quan trọng và có mối liên hệ rất chặt chẽ với các hoạt động của AWE, đó là: trách nhiệm chăm sóc con cái và gia đình, các quy định hỗ trợ kinh doanh và tài chính.

Khung chiến lược đã khẳng định “khuyến khích phụ nữ tham gia nhiều hơn vào thành lập và phát triển doanh nghiệp có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế của quốc gia”. Một trong những mục tiêu chính của khung chiến lược là cung cấp những hỗ trợ cần thiết cho các doanh nghiệp nữ, đặc biệt những phụ nữ đang muốn mở rộng doanh nghiệp mình cũng như những phụ nữ đang muốn thành lập doanh nghiệp. Khung chiến lược cũng thừa nhận rằng từ trước đến nay chưa có một chiến lược dài hạn về phát triển doanh nghiệp nữ và nhấn mạnh sự cần thiết có những cách tiếp cận khác nhau trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tăng số lượng doanh nghiệp nữ ở Anh.

Mục tiêu trong ngắn hạn và trung hạn của khung chiến lược là phát triển thị trường dịch vụ hỗ trợ kinh doanh và nâng cao chất lượng các dịch vụ kinh doanh lấy khách hàng làm trọng tâm. Song song với nỗ lực trên, sẽ tập trung phát triển những dịch vụ kinh doanh đáp ứng được những nhu cầu riêng biệt của khách hàng nữ hay chỉ phục vụ đối tượng khách hàng nữ. Trong dài hạn, khung chiến lược sẽ chú trọng vào những thay đổi cơ bản trong nhận thức của toàn xã hội về phụ nữ làm chủ doanh nghiệp và điều chỉnh các dịch vụ công để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng nữ.

Để đạt được những mục tiêu kể trên, khung chiến lược cũng đặt ra những chỉ tiêu cụ thể, trong đó chỉ tiêu quan trọng là đến năm 2006 số doanh nghiệp nữ sẽ chiếm từ 18-20% tổng số doanh nghiệp của Anh (tỷ lệ này vào năm 2003 là 12-14%). Khung chiến lược đưa ra chương trình hành động cụ thể (cách thức thực hiện và đánh giá) để đạt được chỉ tiêu đặt ra. Khung chiến lược cũng giao trách nhiệm hỗ trợ doanh nghiệp nữ cho các cơ quan cụ thể ở cấp vùng và cấp địa

¹³ Bộ Thương mại và Công nghiệp Anh có bộ phận Dịch vụ doanh nghiệp nhỏ (The Small Business Services). Bộ phận này là cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm chính trong hỗ trợ DNNVV ở Anh

¹⁴ UK Department of Trade and Industry Strategic Framework for Women's Enterprise

¹⁵ <https://www.prowess.org.uk/>

phương. Tính đến cuối năm 2005 doanh nghiệp nữ đã chiếm 18-19% trên tổng số doanh nghiệp đăng ký ở Anh.

Một nghiên cứu do AWE (Accelerating Women's Enterprise – Thúc đẩy Doanh nghiệp nữ) tiến hành đã chứng tỏ tính hữu ích khi bảo đảm Khung chiến lược bao hàm được rất nhiều hoạt động quan trọng đã được kiểm nghiệm và phát triển các hoạt động này thành các khung chính sách bao trùm hơn hướng tới các đối tượng cụ thể, các đầu ra và các biện pháp để có thể thực hiện rộng rãi hơn. Ví dụ, Bộ Thương mại và Công nghiệp Anh đã thông qua dữ liệu phân tách về giới để đặt ra các mục tiêu và chính sách giám sát và đánh giá.

7.5.2 Sự vào cuộc của các tổ chức trong xã hội (Thực tiễn tốt ở Western Cape - Nam Phi)

Một tổ chức cung cấp dịch vụ do nhà nước bảo trợ ở Western Cape đã ghi nhận rằng một số khách hàng tốt nhất của họ là phụ nữ. Họ cũng thấy rằng phụ nữ ít bị nhụt chí hơn đàn ông, sáng tạo hơn và thường tìm những cách thức mới, cách thức khác nhau để kinh doanh hơn đàn ông. Tầm quan trọng của các doanh nghiệp nữ ở Western Cape Có ngày càng được công nhận lớn hơn và điều này được tăng cường bởi các chương trình như mua sắm nhắm đến các nhóm đối tượng, khi đó phụ nữ làm kinh doanh rất được coi trọng. Thêm vào đó, mạng lưới của các phụ nữ trong khu vực rất mạnh và mang lại lợi ích cho các doanh nhân nữ. Cơ quan này cũng chỉ ra rằng trong khi không muốn đối xử phân biệt giữa phụ nữ và nam giới, họ đã tham gia vào một chiến dịch chủ động để tăng lượng khách hàng nữ (hiện tại là khoảng 35% lượng khách hàng thường xuyên, có tham vấn các đối tượng liên quan trong khu vực).

Các nhà tài trợ, các tổ chức công quốc tế, chính quyền cấp quốc gia và địa phương, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp tư nhân, các viện nghiên cứu và hiệp hội doanh nghiệp đã khởi động các chương trình hoặc đưa ra các chính sách để khuyến khích và thúc đẩy tinh thần kinh doanh của phụ nữ. Họ tổ chức các chương trình xây dựng năng lực hoặc kỹ năng kinh doanh, tăng cường mạng lưới của phụ nữ, cung cấp tài chính và đào tạo, hoặc xây dựng các chính sách để tạo thuận lợi cho khởi nghiệp, phát triển kinh doanh nhiều hơn và mạnh hơn. Họ đều cho rằng doanh nghiệp nữ là cốt lõi của tăng trưởng và phát triển. Một số thậm chí còn cho rằng đóng góp của doanh nhân nữ có xu hướng cao hơn đóng góp của doanh nhân nam.

Trong những năm gần đây, sự quan tâm chung tới phụ nữ và doanh nhân nữ ở các nước đang phát triển đã tăng tới mức độ rất cao và sự tập trung vào “những nguồn lực chưa được khai thác” để phát triển dường như trở nên rất cần thiết đối với những người hoạt động trong lĩnh vực phát triển và đối với các nhà hoạch định chính sách. Tuy nhiên, mặc dù các sáng kiến và nguồn lực hỗ trợ để khuyến khích và thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp ngày càng tăng ở các nước đang

phát triển, phụ nữ vẫn làm chủ và điều hành ít doanh nghiệp hơn nam giới, phụ nữ kiếm được ít tiền hơn, công việc kinh doanh vận hành chậm hơn, dễ thất bại và phụ nữ dường như là những doanh nhân khởi nghiệp kinh doanh nhỏ do có nhu cầu cần thiết là nhiều hơn (chứ không phải tận dụng cơ hội để phát triển). Phần lớn công việc của phụ nữ vẫn là “vô hình”, không được trả công và không được công nhận. Tuy nhiên, phụ nữ ngày nay đang thách thức hiện trạng này. Các cơ chế để điều chỉnh lại những “sai lầm văn hóa” đang được đặt đúng chỗ. Tiếng nói của phụ nữ kêu gọi cải thiện tình trạng kinh tế xã hội của họ và công nhận đóng góp lớn lao của họ cho sự phát triển của đất nước đang được lắng nghe.

7.5.3 Doanh nghiệp xã hội hoạt động vì doanh nghiệp nữ (thực tiễn tốt ở Hoa Kỳ)

Womenable là một doanh nghiệp, có hoạt động vì lợi nhuận, được thành lập năm 2005, hoạt động để cải thiện các hệ thống - luật, chính sách, các chương trình và kiến thức dựa trên nghiên cứu – hỗ trợ cho việc tạo và tăng trưởng doanh nghiệp nữ.

Nói một cách đơn giản, sứ mệnh của Womenable là khuyến khích tinh thần khởi nghiệp của phụ nữ trên khắp thế giới. Để làm việc đó, tổ chức này làm việc với những người quản lý các doanh nhân nữ - các nhà hoạch định chính sách, các tổ chức đa phương, những người lãnh đạo của doanh nghiệp, các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp và cộng đồng doanh nghiệp nữ - để nỗ lực tạo ra môi trường tốt hơn cho sự thành lập và phát triển của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Chuyên môn của Womenable bao gồm:

- Tiến hành các nghiên cứu sâu và có thể triển khai trên thực tế,
- Truyền đạt thông tin và kiến thức một cách rõ ràng, ngắn gọn và kích thích tư duy, và
- Triển khai, giám sát và đánh giá các chính sách và chương trình được thiết kế để hỗ trợ doanh nghiệp nữ phát triển.

Các mối liên kết của Womenable bao gồm:

- Các định chế tài chính/Ngân hàng phát triển
- Các tổ chức của nhà nước
- Các tổ chức đa phương
- Các tổ chức phi chính phủ
- Các trung tâm nghiên cứu/giáo dục
- Các nhật ký trực tuyến (blog)/cộng đồng trên mạng của phụ nữ
- Mạng lưới doanh nghiệp nữ
- Tin tức truyền thông của phụ nữ

- Phụ nữ trong các doanh nghiệp/Các sáng kiến của phụ nữ trong doanh nghiệp
- Các quỹ đầu tư phụ nữ

7.5.5 Mô hình "tổ chức một cửa"/vườn ươm kinh doanh

Tại Hoa Kỳ, các Trung tâm Phát triển Doanh nghiệp Nhỏ trực thuộc Cục Hỗ trợ Doanh nghiệp Nhỏ Hoa Kỳ (SBA) có nhiệm vụ xây dựng năng lực và hỗ trợ kinh doanh tổng hợp cho bất kỳ doanh nghiệp nào có yêu cầu giúp đỡ ở bất kỳ giai đoạn phát triển nào. Mặc dù chương trình do các Bang triển khai có sự khác nhau nhưng nhìn chung các trung tâm phát triển doanh nghiệp nhỏ thuộc Cục Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ Hoa Kỳ thường tham gia cung cấp các dịch vụ đánh giá và giới thiệu doanh nghiệp, đào tạo, tư vấn pháp lý và thủ tục, tiếp cận nguồn vốn và thông tin về các quy trình mua sắm của chính phủ.

Tại I-xra-en, các trung tâm ươm tạo doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cấp vùng giám sát hoạt động phát triển doanh nghiệp và mỗi trung tâm tham gia hỗ trợ khoảng 50 phụ nữ trong công tác xây dựng kế hoạch kinh doanh cá nhân. Chương trình này do một tổ chức mang tên Trao quyền Kinh tế cho Phụ nữ (EEW) điều hành sử dụng nguồn ngân sách của Quỹ Phụ nữ của Cherie Blair và Đại sứ quán Hoa Kỳ. Mỗi điều phối viên dự án cấp vùng quản lý một số vườn ươm doanh nghiệp và tổ chức các hoạt động tham vấn kinh doanh theo các nhóm nhỏ trong sáu buổi họp và mỗi buổi kéo dài ba giờ nhằm giúp phụ nữ thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình thông qua tư vấn và giám sát tiến độ liên tục. Ngoài ra, khóa đào tạo về kinh doanh mang tên FastTrac kéo dài từ 10-15 buổi cũng được tổ chức cho những phụ nữ trước đây chưa được đào tạo về kinh doanh thuộc EEW. Các doanh nhân nữ còn được tham dự khóa đào tạo về tài chính kéo dài 10 buổi và tham gia chương trình tài khoản tiết kiệm đối ứng.¹⁶

Một trung tâm ươm tạo tại Kerala, Ấn Độ mang tên **Chương trình Ươm tạo Doanh nghiệp dành cho Phụ nữ (WBIP)** - tham gia cung cấp văn phòng, thiết bị kỹ thuật số, dịch vụ tư vấn, xây dựng mạng lưới với các cá nhân đầu ngành, tổ chức các lớp học về khởi nghiệp và các sự kiện thu hút vốn đầu tư. Chương trình tăng tốc kinh doanh cũng đưa ra dịch vụ hướng dẫn, tư vấn, tổ chức các chương trình trực tuyến về phát triển doanh nghiệp, quản lý truyền thông xã hội và rủi ro chính sách của chính phủ. Không gian làm việc chung cung cấp những tiện ích cơ bản và khả năng kết nối giữa các cá nhân.¹⁷

Trung tâm **Vườn ươm Doanh nghiệp cho Phụ nữ Gyeonggi** là mô hình thực tiễn tốt nhất về hoạt động ươm tạo doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong đó

¹⁶ Công thông tin của tổ chức Trao quyền Kinh tế cho Phụ nữ

<http://www.womensown.org.il/en/template/?mainCatId=2&catId=31>

¹⁷ Công thông tin của Chương trình Ươm tạo Kinh doanh dành cho Phụ nữ <http://www.wbip.in/>

trung tâm này tham gia cung cấp văn phòng, tổ chức đào tạo, cung cấp hạ tầng và các tiện ích như trung tâm chăm sóc trẻ em cho các doanh nghiệp khởi nghiệp. Trung tâm tổ chức các chương trình tự học trực tuyến và hoạt động tư vấn nghề nghiệp trực tuyến trong một gói hoàn chỉnh dưới hình thức học tập hỗn hợp và dịch vụ phát triển giúp học viên có thể tận dụng được lợi thế của phương pháp học trực tuyến và ngoại tuyến. Mỗi khóa học và chương trình đều được thiết kế theo nhu cầu riêng của phụ nữ.¹⁸ Trong năm 2011, GWDC được chọn là một trong 18 sáng kiến đổi mới sáng tạo trong số 684 sáng kiến dịch vụ công cho phụ nữ trên toàn thế giới được đề cử nhận Giải thưởng Dịch vụ Công của tổ chức UN Women và Đại học Columbia. Hoạt động của trung tâm phụ thuộc vào sự hỗ trợ mạnh mẽ của chính quyền tỉnh.

Cam-pu chia - quốc gia có bối cảnh tương đồng với Việt Nam, đã được ADB hỗ trợ dự án trao quyền kinh tế cho phụ nữ trong đó đã thiết lập được hai trung tâm phát triển phụ nữ. Các trung tâm phát triển phụ nữ là trung tâm một cửa cung cấp các kỹ năng sống, chăm sóc trẻ nhỏ, hỗ trợ pháp lý và đào tạo về khởi nghiệp nhằm mục tiêu trao quyền cho phụ nữ; được xây dựng nhằm hoạt động dưới hình thức tự chủ và tự hạch toán sau khi dự án kết thúc. Trong quá trình triển khai, trung tâm áp dụng phương pháp tiếp cận cấp dịch vụ thu phí kết hợp với việc quảng bá mạnh mẽ các sản phẩm và dịch vụ của mình, đồng thời hợp tác với các cơ quan cấp vốn bên ngoài và các tổ chức phi chính phủ (NGO) để tìm nguồn kinh phí hỗ trợ. Các hoạt động chính bao gồm đào tạo về khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp vi mô; trung tâm thông tin cho hoạt động phát triển doanh nghiệp vi mô và nhỏ; hỗ trợ kinh doanh và kỹ thuật như cung cấp cơ sở vật chất chung và/hoặc đơn vị vườn ươm doanh nghiệp và thiết bị; kết nối với các sở trong tỉnh nhằm cấp phép cho các doanh nghiệp khởi nghiệp; trung gian xã hội và tài chính; hợp tác với các NGO và các cơ quan chính phủ nhằm cung cấp thông tin giúp phát triển sản phẩm, thiết kế sản phẩm, mua sắm và tiếp thị và nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn.¹⁹

Một ví dụ khác tương đồng với bối cảnh của Việt Nam là *Vườn ươm Doanh nghiệp cho Phụ nữ tại Thiên Tân (TWBI)*, Trung Quốc. TWBI là vườn ươm tổng hợp phi lợi nhuận với nhiệm vụ đặc thù là hỗ trợ các doanh nhân nữ. Vườn ươm này được thành lập với sự hỗ trợ tài chính của chính quyền thành phố Thiên Tân và là đối tác của Liên đoàn Phụ nữ Thiên Tân và ba cơ quan chính quyền địa phương khác. Ở giai đoạn khởi động, vườn ươm nhận được hỗ trợ kỹ thuật của UNDP thông qua tư vấn lập kế hoạch kinh doanh và đào tạo, cũng như

¹⁸ Cổng thông tin của Trung tâm Phát triển Phụ nữ Gyeonggi
<http://www.womenpro.go.kr/en/10010000.do>

¹⁹ Cổng thông tin của Trung tâm Phát triển Phụ nữ Cam-pu chia và ADB
<http://www.adb.org/projects/39037-022/>

được các chuyên gia Hoa Kỳ và Úc hướng dẫn trong quá trình thành lập và phát triển. Vườn ươm đã cố gắng để có thể gần như tự chủ về mặt tài chính thông qua hoạt động cho thuê văn phòng, dịch vụ kinh doanh và tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo cho các đơn vị ngoài. Vườn ươm cũng trở thành nơi để các đơn vị có ý định xây dựng vườn ươm cho phụ nữ tới thăm quan và học hỏi.²⁰

7.5.6 Xây dựng mạng lưới

Một số bằng chứng thực tế chứng minh rằng phụ nữ tại các nền kinh tế mới nổi ở châu Á có khả năng kết nối mạng lưới thấp hơn so với nam giới do bị hạn chế về thời gian phải làm việc nhà và trách nhiệm gia đình.²¹ Hoạt động xây dựng mạng lưới của các doanh nhân nữ “giúp tăng cường tác động tích cực mà doanh nhân nữ tạo ra. Mạng lưới có thể ủng hộ tinh thần, quản lý và tài chính qua việc cung cấp thông tin, tư vấn thích ứng và đổi mới sáng tạo và hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nhân nữ cũng như những doanh nhân có nhu cầu.”²²

Hiện nay có rất nhiều tổ chức chú trọng vào hoạt động xây dựng mạng lưới cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở cấp độ quốc tế, khu vực và quốc gia, điển hình tại Hoa Kỳ, Ca-na-đa, châu Âu và Ô-xtrây-li-a. Hai ví dụ minh họa dưới đây có những điểm phù hợp với bối cảnh của Việt Nam.

Liên đoàn Quốc tế Phụ nữ Đi làm và Kinh doanh (IFBPW) tham gia tư vấn, xây dựng mạng lưới và đào tạo cho mạng lưới quốc tế những phụ nữ tham gia kinh doanh và đi làm tại các chi nhánh ở 95 quốc gia trên 5 lục địa. IFBPW tổ chức các chương trình phát triển cho thành viên thông qua một Học viện BPW trực tuyến về các nội dung tư vấn, đào tạo lãnh đạo và đào tạo kinh doanh điện tử cùng các dự án hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và phát triển hoạt động kinh doanh và tạo dựng một mạng lưới đặc biệt dành cho những phụ nữ trẻ.²³ Liên đoàn tổ chức một hội nghị thường niên thu hút sự tham gia của hàng nghìn doanh nhân nữ trên thế giới. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương có số lượng thành viên đông đảo với khoảng 4.000 thành viên thuộc 30 quốc gia và một điều phối viên cấp tiểu vùng phụ trách khu vực Đông Nam Á. Liên đoàn cũng tổ chức hội nghị thường niên cho khu vực châu Á Thái Bình Dương.

Mạng lưới Tài trợ vốn cho Phụ nữ (WFN) là một mạng lưới quốc tế có hơn 120 quỹ phụ nữ tham gia làm thành viên và là mạng lưới từ thiện lớn nhất trên thế giới dành cho phụ nữ và trẻ em gái. WFN có mặt tại 21 quốc gia tại 6 châu lục và đầu tư trên 350 triệu USD mỗi năm vào công tác đẩy mạnh các quyền của phụ nữ

²⁰ Cổng thông tin của Vườn ươm Doanh nghiệp cho Phụ nữ tại Thiên Tân (TWBI)

<http://www.tjwbi.com/english/aboutus/>

²¹ Dhaliwal, S. (2000). Khởi nghiệp - Quá trình không ngừng học hỏi: Kinh nghiệm của các doanh nhân nữ và phụ nữ tham gia kinh doanh tại châu Á. *Giáo dục và Đào tạo*, Tập.42(8):tr.445-453.

²² Mariana Dragusin (2007). “Mạng lưới quốc gia và khu vực của doanh nhân nữ”, *Tap chí Khoa học Khu vực của Ru-ma-ni*, Tập 1, Số. 1, Winter, tr. 1

²³ Liên đoàn Quốc tế Phụ nữ Đi làm và Kinh doanh, <https://www.bpw-international.org/>

và trẻ em gái. Mạng lưới có sự tham gia của 85% quỹ công và 15% quỹ tư nhân. Một phần ba nguồn ngân sách được cam kết sử dụng vào các hoạt động bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ.²⁴ Bên cạnh đó, Hội nghị Thượng đỉnh Phụ nữ Toàn cầu quy tụ các đơn vị công, tư và phi lợi nhuận tham gia đối thoại về cơ hội kinh tế của phụ nữ trên toàn thế giới thông qua trao đổi các giải pháp hiệu quả và các chiến lược sáng tạo do lãnh đạo nữ ở các khu vực khác nhau trên thế giới xây dựng.²⁵ Hội nghị thượng đỉnh thường niên này được tổ chức liên tục từ năm 1990 và Việt Nam tổ chức sự kiện này vào năm 2013 tại Hà Nội.

Những mạng lưới quốc tế khác dành cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ bao gồm Ngân hàng Hỗ trợ Phụ nữ, Tiếng nói Trọng yếu và Liên minh Phụ nữ Quốc tế (TIAW). Tất cả các tổ chức này đều xuất bản tạp chí và bản tin cập nhật cung cấp các nội dung về cơ hội đào tạo, tài trợ và xây dựng mạng lưới và hầu hết phụ nữ ở tất cả các quốc gia đều có thể tiếp cận mặc dù một số hoạt động ưu tiên cho phụ nữ thuộc các quốc gia có thu nhập trung bình và thấp. Các tổ chức này cũng cung cấp nhiều tài nguyên trực tuyến và hoạt động tư vấn điện tử.

7.5.7 Ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, tập huấn nội dung đa dạng

Trên thế giới, có nhiều trung tâm quốc gia hỗ trợ phụ nữ trong kinh doanh với trọng tâm là tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn. Trung tâm Hỗ trợ Phụ nữ trong Doanh nghiệp (CWE) ở Boston, Hoa Kỳ tổ chức rất nhiều chương trình khác nhau bao gồm các khóa đào tạo, hội nghị trực tuyến và các chương trình đào tạo trực tuyến. Các khóa học về kinh doanh kéo dài trong nhiều ngày, ví dụ như *Bạn có thích hợp với việc khởi nghiệp không? Lập kế hoạch kinh doanh: Tăng tốc hoạt động kinh doanh.* Bên cạnh đó còn có các chương trình học tập trực tuyến bao gồm: *Kỹ năng khởi nghiệp; Những điều cần biết về hoạt động tài trợ vốn cho một doanh nghiệp mới thành lập hoặc đang tăng trưởng; Thực tiễn thuê tuyển hiệu quả trong các tổ chức đã có nhiều thành công; Định vị sản phẩm hoặc dịch vụ để thu về giá trị tối đa; Tại sao quan hệ công chúng lại là công cụ tiếp thị mạnh nhất...*²⁶ Trung tâm còn tham gia cung cấp các dịch vụ tư vấn.

Một số khóa học về IT cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Có thể tham khảo một số ví dụ minh họa từ APEC và USAID cũng như rất nhiều các trung tâm hỗ trợ phụ nữ trong kinh doanh có các chương trình đào tạo điện tử có trọng tâm. Mạng lưới Trợ vốn cho Phụ nữ, Quỹ Phụ nữ trong Kinh doanh và Đi làm, Liên minh Phụ nữ Quốc tế và nhiều trung tâm phụ nữ quốc gia tại Bắc Mỹ

²⁴ Mạng lưới Trợ vốn cho Phụ nữ, <http://www.womensfundingnetwork.org/membership/>, truy cập ngày 19/4/2016

²⁵ Công thông tin của Hội nghị Thượng đỉnh Phụ nữ Toàn cầu <http://globewomen.org/globalsummit/> truy cập ngày 1/5/2016

²⁶ Trung tâm Hỗ trợ Phụ nữ trong Doanh nghiệp, <http://www.cweonline.org/bStartbYourBusiness/StartYourBusinessOverview/tabid/170/Default.aspx>

và châu Âu đều tổ chức các khóa tập huấn về doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ.

Tại Châu Phi, *Trung tâm Phụ nữ, Công nghệ Thông tin và Truyền thông Châu Phi (ACWICT)* là một tổ chức có nhiệm vụ thúc đẩy phụ nữ trong khu vực tiếp cận với ICT và kiến thức về ICT để làm công cụ nâng cao địa vị của bản thân trong các lĩnh vực xã hội, kinh tế và chính trị, trong đó trọng tâm là hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp.

Chương trình Phụ nữ trong Kinh doanh (WIB) của Ni-giê-ri-a là chương trình do tổ chức Digital Peers International triển khai nhằm trang bị các kỹ năng ICT cho phụ nữ để tăng năng suất cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, thúc đẩy tăng trưởng, tăng khả năng tiếp cận thông tin thị trường để ra quyết định và giảm thiểu thời gian xử lý thông tin. Đối tượng của chương trình là những phụ nữ giữ vai trò CEO trong các doanh nghiệp khởi nghiệp, đối tượng cần nắm bắt kiến thức để đảm bảo doanh nghiệp tăng trưởng và cần ICT để tăng cường các kỹ năng quản lý. Chương trình này cũng đã xây dựng một nền tảng giúp các doanh nhân nữ tham gia kết nối mạng lưới xã hội và tư vấn.

Tại Ma-lai-xi-a, xu thế ngày càng phổ biến hiện nay là các doanh nghiệp IT hợp tác với các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ để tăng khả năng tiếp cận khách hàng và tăng lợi nhuận thương mại vì phụ nữ có mạng lưới rộng lớn và phụ nữ là nhóm khách hàng tiêu dùng trực tuyến cấp cao hơn so với nam giới.

Tại Ấn Độ, doanh nhân nữ cho biết doanh số bán các sản phẩm chăm sóc tóc, sắc đẹp và thực phẩm đã tăng 70% trong vòng một năm sau khi họ bắt đầu sử dụng các nền tảng trực tuyến. Nhiều doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ hiện đang sử dụng Alibaba.com làm nền tảng bán lẻ các sản phẩm của mình. Trong năm 2015, Alibaba đã tổ chức Hội nghị Toàn cầu về Phụ nữ và Khởi nghiệp nhằm kết nối các doanh nhân nữ ở các ngành khác nhau và khuyến khích các doanh nhân này thành lập các doanh nghiệp trực tuyến. Theo một báo cáo của Alibaba, trong năm 2014 hơn 46% các giao dịch trực tuyến ở Trung Quốc là do các doanh nghiệp do nữ làm chủ thực hiện. Rất nhiều sản phẩm trên Alibaba là của các doanh nghiệp do nữ làm chủ, trong đó 25% là các doanh nghiệp Hoa Kỳ, 27% doanh nghiệp Ma-lai-xi-a và 20% doanh nghiệp Việt Nam.²⁷

Bên cạnh các chương trình đào tạo, tập huấn, rất nhiều sở tay hướng dẫn đã được soạn thảo làm công cụ cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Một số tài liệu chỉ được cấp cho thành viên của một số tổ chức trong khi một số tài liệu khác được cấp miễn phí như *Bộ tài liệu tập huấn về giới và kinh doanh* của ILO và

²⁷ Ngân hàng phát triển Châu Á (2014). Bộ công cụ giới: Tài trợ và phát triển doanh nghiệp vi mô, nhỏ và vừa. Manila: Ngân hàng phát triển Châu Á Manila: ADB

Dịch vụ Phát triển Kinh doanh cho Doanh nhân nữ và Doanh nhân khu vực nông thôn của UNIDO được sử dụng làm chương trình tập huấn cho doanh nhân nữ trong ngành chế biến thực phẩm.

DFID đã hợp tác với Viện Chính sách Phát triển và Quản lý và Đại học Manchester xuất bản ấn phẩm mang tên *Hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động trên nền tảng ICT do phụ nữ làm chủ: Sổ tay dành cho các cơ quan phát triển (2005)*. Với sự hỗ trợ của SIDA, UNCTAD đã phối hợp với ILO lồng ghép ICT vào Khung Phát triển Kinh doanh cho Phụ nữ của ILO và giới thiệu ấn phẩm *Trao quyền cho doanh nhân nữ thông qua công nghệ thông tin và truyền thông: Hướng dẫn thực hành (2014)*.

Các thư viện trực tuyến như *Trung tâm Tài chính Phụ nữ* do IFC và các đối tác G-20 ra mắt trong năm 2013 là kho tàng trí thức bao gồm sổ tay và hướng dẫn phụ nữ trong kinh doanh. Trung tâm là nền tảng trực tuyến giúp các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tiếp cận nguồn vốn thông qua hoạt động phổ biến những thông tin quan trọng liên quan đến thị trường dành cho phụ nữ nhờ vào việc tăng cường sự phối hợp trong chia sẻ tri thức và làm rõ nội dung đổi mới sáng tạo và thực tiễn tốt nhất trong việc tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn của phụ nữ.

Những phụ nữ tiên phong: Tài nguyên cho chủ doanh nghiệp và doanh nhân là một trang web có đường dẫn kết nối với nhiều trang web khác. Nguồn tài nguyên bao gồm:

- Cơ sở dữ liệu chuyên gia;
- Mô hình điển hình;
- Mẫu kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp khởi nghiệp và doanh nghiệp đã có chỗ đứng;
- Kế hoạch truyền thông;
- Hình thức và kế hoạch hình thành doanh nghiệp bao gồm công ty, hợp danh, hợp đồng thuê lao động, thỏa thuận lời lỗ, hướng dẫn dòng tiền, bảng cân đối mẫu, thỏa thuận vay nợ và nhiều chính sách khác về nguồn lực.

8. Kết luận và kiến nghị

Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới 2011-2020 đã đặt ra mục tiêu “Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động”, trong đó, chỉ tiêu 2 là “Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 30% vào năm 2015 và từ 35% trở lên vào năm 2020”.

Để đạt được mục tiêu này cần rất nhiều nỗ lực từ nhiều phía, trên nhiều phương diện khác nhau, trong đó, song hành cùng các dịch vụ hỗ trợ tài chính, DVHTKD có vai trò và tác động rất lớn.

8.1 Tăng cường nhận thức về tầm quan trọng của doanh nghiệp nữ và DVHTKD đối với doanh nghiệp nữ

Như đã phân tích trong những phần trên, hầu hết các DVHTKD do cơ quan nhà nước và các hiệp hội doanh nghiệp cung cấp đều không có chương trình hỗ trợ riêng cho các doanh nghiệp nữ, do đó, rất cần phải thay đổi điều này, bằng cách tuyên truyền sâu rộng về vai trò của doanh nghiệp nữ, những khó khăn của doanh nghiệp nữ và quy định pháp luật về hỗ trợ riêng cho doanh nghiệp nữ tới các cấp chính quyền, tới các hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp, các doanh nghiệp nữ.

Những vấn đề về bình đẳng giới cũng phải được lồng ghép vào các chương trình tổ chức cho các doanh nhân thông qua các hiệp hội doanh nghiệp, đơn vị cung cấp DVHTKD và các tổ chức phi chính phủ. Ví dụ, các chương trình đào tạo kinh doanh nên quan tâm tới việc phân chia bình đẳng trong việc gia đình, việc ra quyết định trong gia đình và trong kinh doanh, tính linh hoạt và vấn đề xây dựng mạng lưới.

Đối với các doanh nghiệp nữ nói riêng và với các DNNVV nói chung trong đó có cả khởi nghiệp sáng tạo, có một tiềm thức ăn sâu là khi doanh nghiệp còn nhỏ, làm gì có tiền để thuê ngoài, hoặc họ sẽ chọn chưa làm hoặc tự làm hết tất cả. Nhưng nếu như trong một doanh nghiệp mà người chủ doanh nghiệp chỉ là một hoặc một nhóm chấp nhận làm tất cả, thì sẽ không còn thời gian để tập trung cho giá trị cốt lõi của mình nữa.

Với những cơ hội mà internet mở ra cho những doanh nghiệp nhỏ và vừa thậm chí siêu nhỏ, có thể thấy doanh nghiệp càng nhỏ càng nên tận dụng DVHTKD để tham gia một cách chuyên nghiệp hơn vào chuỗi cung ứng thay vì tự mình làm tất cả. Điều đó càng khẳng định, sử dụng các dịch vụ phát triển kinh doanh là một xu hướng không thể cưỡng lại. Do đó, chính các doanh nghiệp cũng phải nhận thức được điều này.

8.2 Hoàn thiện hệ thống pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nữ

Hệ thống văn bản hướng dẫn các quy định liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nữ theo quy định của Luật Hỗ trợ DNVVN cần sớm được hoàn thiện để triển khai đồng bộ.

Các quy định về hỗ trợ doanh nghiệp nữ còn mang tính chung chung, chỉ là “doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước”, như vậy vẫn chưa có sự định hướng riêng cho nhóm đối tượng đặc thù là doanh nghiệp nữ.

Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Dự thảo Nghị định về Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đang được soạn thảo đều không có quy định gì về hỗ trợ cho doanh nghiệp nữ.

Do đó, cần đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định ưu tiên này để có những thay đổi phù hợp và ban hành thêm quy định hỗ trợ cụ thể hơn cho doanh nghiệp nữ.

8.3 Xây dựng khung chiến lược về phát triển doanh nghiệp nữ

Cần xây dựng một khung chiến lược cụ thể, xác định các mục tiêu trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, từ việc thay đổi nhận thức của xã hội đến các chính sách hỗ trợ, phát triển những dịch vụ kinh doanh đáp ứng được những nhu cầu của doanh nghiệp nữ.

Khung chiến lược phải được xây dựng và có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp nữ.

Khung chiến lược cũng cần đặt ra những chỉ tiêu cụ thể để đạt được các mục tiêu, đưa ra chương trình hành động cụ thể (cách thức thực hiện và đánh giá) để đạt được chỉ tiêu đặt ra, đồng thời giao trách nhiệm hỗ trợ doanh nghiệp nữ cho các cơ quan cụ thể ở cấp vùng và cấp địa phương.

8.4 Xây dựng các mô hình đào tạo, phương thức hỗ trợ thích hợp

Mức độ phù hợp của các chương trình đào tạo của các đơn vị cung cấp DVHTKD dành cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam phụ thuộc vào ngành nghề, giai đoạn phát triển và quy mô của doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp nữ chủ yếu có quy mô nhỏ, siêu nhỏ, ở nhiều vùng, miền khác nhau, do đó, cần tìm hiểu rõ nhu cầu của DN, từ đó có các hình thức hỗ trợ thích hợp. Ví dụ, với các DN siêu nhỏ ở nông thôn, nên tổ chức hội chợ nhỏ kèm theo tuyên truyền kiến thức qua các cuộc họp xã phường.

Những hỗ trợ về bồi dưỡng kiến thức quản trị nên phù hợp với nhu cầu, thời gian và nguồn lực của doanh nhân nữ, bám sát thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các khóa học này nên được thiết kế dựa trên nền tảng website, ứng dụng trên nền tảng di động nhằm tăng cường tiếp cận, tiết kiệm nguồn lực và thời gian, đặc biệt là cho các doanh nhân nữ ở các vùng xa trung tâm.

8.5 Tăng cường đào tạo và ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống tài nguyên trực tuyến

Báo cáo của IFC về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam chỉ ra rằng phụ nữ có nhu cầu dịch vụ công nghệ thông tin (IT) cao (61%) trong đó 32% đã được cung cấp các dịch vụ này. Cũng theo báo cáo này, nam giới được chính

phủ và các doanh nghiệp tư nhân hỗ trợ IT nhiều hơn trong khi phụ nữ phải thông qua các hiệp hội doanh nghiệp để tiếp cận dịch vụ này. Các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ của Việt Nam cần được đào tạo thêm về công nghệ thông tin và truyền thông để có thể quản lý doanh nghiệp hiệu quả cũng như mở rộng hoạt động tiếp thị nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trên toàn cầu.

Bên cạnh đó, có rất nhiều tài nguyên trên mạng rất hữu ích. Do đó, nên thành lập thư viện tài nguyên hoặc nền tảng trực tuyến để cung cấp sách báo và các tài liệu hướng dẫn, những bài học, thực tiễn tốt, những kiến thức quản trị, hoặc nội dung DVHTKD, bao gồm cả những tài liệu nước ngoài được dịch sang tiếng Việt, bảo đảm các doanh nghiệp phụ nữ làm chủ, đặc biệt là doanh nghiệp nữ ở nông thôn có thể tiếp cận và tham khảo. Đây là phương pháp chi phí thấp nhưng quy mô tác động rộng lớn trong việc cung cấp các DVHTKD cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

8.6 Xã hội hóa các đơn vị cung cấp DVHTKD, tăng cường phối hợp giữa các đơn vị, tổ chức cung cấp DVHTKD

Các dữ liệu từ khảo sát và phỏng vấn sâu trong báo cáo này cho thấy phần lớn các DVHTKD do khối cơ quan nhà nước cung cấp. Trong khối tư nhân, số lượng nhà cung cấp DVHTKD dành riêng cho các doanh nghiệp nữ là rất hạn chế.

Các dịch vụ sự nghiệp công hầu hết do các cơ quan nhà nước thực hiện trong quy trình gần như khép kín, gắn với chức năng quản lý nhà nước; có nguy cơ gây ra tình trạng không minh bạch (vừa đá bóng vừa thổi còi, vừa cấp phép vừa thẩm định năng lực...). Các điều kiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước ban hành và cơ quan nhà nước ở các cấp trực tiếp thực hiện dịch vụ sự nghiệp công. Việc kiểm tra tính tuân thủ các điều kiện dịch vụ sự nghiệp công cũng do cơ quan nhà nước thực hiện.

Do đó, Nhà nước cần tạo điều kiện cho các DVHTKD phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới, bằng cách tạo thuận lợi cho việc xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công và xem xét, rà soát để các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực này thuận lợi hơn cho doanh nghiệp.

Huy động sự tham gia của khu vực tư nhân vào cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công sẽ mang đến nhiều lợi ích:

- Nâng cao chất lượng các dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, qua đó góp phần tăng sức cạnh tranh của ngành dịch vụ, doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam.

- Thu gọn bộ máy quản lý nhà nước theo đúng chức năng cốt lõi. Bộ máy nhà nước tập trung vào công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, ưu tiên hàng đầu hiện nay.
- Minh bạch hóa và phân định việc thực hiện công vụ của cơ quan công quyền và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do các tổ chức cá nhân thực hiện để tránh chồng chéo, ngăn ngừa “xung đột lợi ích”.
- Huy động được nhiều nguồn lực trong xã hội, từ khu vực tư nhân đầu tư vào dịch vụ sự nghiệp công.
- Thực hiện chính sách thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, tạo cơ hội để các doanh nghiệp được tham gia bình đẳng tham gia đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công.

Điều các doanh nghiệp thực sự cần là những cơ hội và một môi trường bình đẳng chứ không phải nhận được sự hỗ trợ miễn phí. Nhà nước cần đóng vai trò tạo thuận lợi cho các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp.

8.7 Đẩy mạnh công khai, minh bạch thông tin về hỗ trợ doanh nghiệp

Cần minh bạch hóa việc triển khai các chính sách chương trình hỗ trợ doanh nghiệp để doanh nghiệp biết được kịp thời và có thể dễ dàng tiếp cận chính sách ưu đãi.

Các trình tự, thủ tục, việc lựa chọn doanh nghiệp để ưu đãi, hỗ trợ cũng cần được công khai minh bạch và có bên thứ ba tham dự đánh giá và giám sát. chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh. Kết quả chỉ các doanh nghiệp lớn thì lại tận dụng được các chương trình hỗ trợ, trong khi đối tượng cần đặc biệt quan tâm hỗ trợ là các doanh nghiệp nhỏ thì lại không biết và khó tiếp cận.

Việc công khai, minh bạch này có thể thực hiện trên cổng thông tin của chính quyền địa phương, thông báo tại nơi làm thủ tục hành chính, thông báo qua các hiệp hội doanh nghiệp, công khai trên các phương tiện truyền thông.

8.8 Nâng cao năng lực cho các tổ chức đại diện doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nữ

Các hiệp hội doanh nghiệp tại Việt Nam nói chung, đặc biệt là các hiệp hội/hội/câu lạc bộ doanh nhân/doanh nghiệp nữ, còn nhiều hạn chế trong năng lực ở nhiều khía cạnh: cung cấp dịch vụ cho hội viên, tạo nguồn thu, áp dụng công nghệ thông tin, quản trị hiệp hội, phản biện và góp ý chính sách, tăng cường và xây dựng liên kết quốc tế... Trong đó, các DVHTKD cũng nằm trong các dịch vụ cung cấp cho hội viên.

Do đó, cần phải nâng cao năng lực cho các hiệp hội doanh nghiệp, chia sẻ, học tập các thực tiễn tốt. Ví dụ như: tập trung vào thế mạnh của hiệp hội, ví dụ như kiến thức chuyên môn (đối với các hiệp hội ngành hàng), thương hiệu hoặc mối quan hệ với doanh nghiệp thì hiệp hội có thể trực tiếp tham gia thực

hiện. Trong khi đó, các công việc ít liên quan hơn có thể sẽ cần tới một bên thứ ba có thể mạnh về những công việc này để hỗ trợ cung ứng dịch vụ. Cách làm này có thể được thấy rõ qua hình thức thuê ngoài dịch vụ, một hình thức hợp tác rất phổ biến tại các hiệp hội ngành hàng hoặc các hiệp hội doanh nghiệp cấp địa phương ở những thành phố lớn. Các hiệp hội cũng có thể hợp tác trong đào tạo, đóng vai trò cầu nối giữa cung và cầu với loại hình dịch vụ này.

Các hiệp hội nữ doanh nhân có thể tiếp cận các tổ chức và sáng kiến toàn cầu cung cấp các DVHTKD cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại các quốc gia thu nhập trung bình và thấp để xác định xem Việt Nam có tham gia được vào chương trình của các tổ chức và sáng kiến này hay không. Trong trường hợp lý tưởng, những chương trình này có thể có hoạt động tại Việt Nam hoặc tối thiểu có thể làm cầu nối để các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có thể tiếp cận sử dụng dịch vụ của các tổ chức đó.

Các hiệp hội doanh nhân nữ và các tổ chức trong nước và quốc tế liên quan khác xây dựng năng lực cho các câu lạc bộ và hiệp hội phụ nữ kinh doanh nhằm chuyên nghiệp hóa công tác cung cấp dịch vụ.

Các hiệp hội doanh nhân nữ và các tổ chức liên quan phối hợp với các tổ chức quốc tế nhằm tăng cường vai trò của các doanh nhân nữ trong các hiệp hội doanh nghiệp khác nhau nhằm: a) điều chỉnh dịch vụ của các tổ chức này cho phù hợp với các doanh nhân nữ; và b) đảm bảo các hiệp hội đảm bảo bình đẳng khi đại diện cho doanh nhân nam và nữ.

Các Hiệp hội doanh nghiệp nói chung và các hiệp hội doanh nghiệp nữ cần vận động, xúc tiến tổ chức một hội chợ/triển lãm thương mại ở cấp quốc gia dành cho các sản phẩm của các doanh nghiệp do nữ làm chủ. Lợi ích mà sự kiện này mang lại là tạo điều kiện để doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tiếp cận thị trường mới cũng như quy tụ các doanh nghiệp này để học hỏi kinh nghiệm và thành lập mạng lưới. Sự kiện này có thể được tổ chức kết hợp với các buổi tập huấn dành cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong những lĩnh vực khác nhau, ở các cấp độ của chuỗi giá trị hoặc ở các giai đoạn phát triển kinh doanh khác nhau. Nếu có thể, hiệu quả sẽ tăng lên khi tổ chức trùng vào thời điểm tổ chức tại Việt Nam một sự kiện của khu vực hoặc thế giới về doanh nhân nữ.

Hơn nữa, cũng cần có chính sách tăng cường vai trò của các nữ doanh nhân trong các hiệp hội kinh doanh nhằm làm cho hoạt động của các hiệp hội này phù hợp hơn với phụ nữ.

8.9 Xây dựng mạng lưới

Theo thực tiễn thành công tại một số nước trên thế giới, cũng như những gì đang diễn ra tại Việt Nam, việc tham gia các mạng lưới là rất hữu ích cho các doanh nhân nữ vì họ được tiếp xúc thường xuyên hơn với những chủ doanh

nghiệp nữ khác để chia sẻ ý tưởng và kinh nghiệm và học tập lẫn nhau. Nhiều phụ nữ cho biết họ xem những phụ nữ khác là chuyên gia tư vấn không chính thức của mình nhưng cần phải có thêm các mạng lưới phụ nữ kinh doanh chính thức với quy mô rộng lớn hơn dành cho các chủ doanh nghiệp là nữ tại Việt Nam để thúc đẩy tiềm năng tăng trưởng của các doanh nghiệp này, chẳng hạn như xây dựng Hội đồng tư vấn kinh doanh cho phụ nữ hoặc Hội đồng về các vấn đề phát triển kinh doanh của phụ nữ, Hội đồng này có thể tham gia mạng lưới quốc tế của doanh nhân nữ.

Việc thúc đẩy mạng lưới liên kết của chính các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, giữa doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ với các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp có vốn nước ngoài hoặc liên kết sản xuất, tiêu thụ với doanh nghiệp nước ngoài thông qua xuất khẩu sẽ là cách thức tốt để hỗ trợ tiếp cận thị trường cho doanh nghiệp nữ (thông qua việc giới thiệu các mối liên kết sản xuất, tham gia các chuỗi giá trị...). Điều này đòi hỏi cần có cơ sở dữ liệu và hoạt động mạnh mẽ của các Hiệp hội/Hội, Hội đồng Doanh nhân nữ và tham tán thương vụ thương mại ở trong và ngoài nước.

8.10 Thành lập Trung tâm hỗ trợ phụ nữ trong kinh doanh/ Vườn ươm doanh nghiệp nữ

Những mô hình Trung tâm Hỗ trợ Phụ nữ trong kinh doanh trên thế giới đã chứng minh được tính hiệu quả tại các quốc gia có thu nhập cao và có thể bao gồm một số dịch vụ phù hợp với hoàn cảnh của Việt Nam.

Các hiệp hội nữ doanh nhân với sự hỗ trợ của Chính phủ nên tiến hành nghiên cứu khả thi để xem xét khả năng thí điểm một vườn ươm nữ doanh nhân tại Hà Nội và/hoặc Tp. Hồ Chí Minh. Các dịch vụ có thể gồm các khóa tập huấn liên tục trong suốt thời gian ươm tạo, hỗ trợ xây dựng mạng lưới, cố vấn, với mục tiêu trở thành mô hình một cửa phục vụ các doanh nghiệp nữ khởi nghiệp. Các trung tâm cũng có thể đóng vai trò giới thiệu doanh nghiệp tới các nhà đầu tư, các doanh nghiệp đầu tư mạo hiểm...

8.11 Cần có dữ liệu thống kê phân tách giới

Hiện nay, các số liệu thống kê chính thức về doanh nghiệp của Việt Nam hầu như không phân tách theo giới, do đó, rất khó thống kê và đánh giá được tình hình trong khối các doanh nghiệp nữ.

Do đó, các số liệu điều tra, thống kê về kinh tế cần phân tách theo giới để có thể đánh giá theo nhiều chiều cạnh, đặt ra các mục tiêu phát triển và tăng trưởng trong khối doanh nghiệp nữ.

Bởi vì “Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ đang và mãi mãi sẽ là khoản đầu tư hứa hẹn nhất, tiềm năng và đem lại lợi nhuận cao nhất, đây là một khoản đầu tư đúng đắn, thông minh và hết sức cần thiết để xóa đói giảm nghèo; tăng trưởng kinh tế toàn diện, bền vững và nhanh chóng; giảm bất bình đẳng và không bỏ lại ai phía sau; cũng như để đem lại sự phát triển bền vững cho tất cả mọi người”²⁸, do đó, các biện pháp thúc đẩy doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển và tăng trưởng là rất cần thiết.

Cần có các biện pháp đồng bộ từ rất nhiều phía trong xã hội, từ các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, từ chính các doanh nhân nữ, từ các tổ chức đại diện doanh nghiệp, các nhà tài trợ, tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ... để cung cấp DVHTKD cho doanh nghiệp nữ một cách thực sự hiệu quả, thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp nữ phát triển cả về lượng và chất, giúp Việt Nam nhanh chóng tiến tới mục tiêu phát triển bền vững, thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới.

²⁸ Bà Lakshmi Puri - Phó Tổng giám đốc Điều hành UN Women, phát biểu trước đại biểu của 21 nền kinh tế thành viên APEC (Đối thoại công - tư về Phụ nữ và Kinh tế trong khuôn khổ Diễn đàn Phụ nữ và Kinh tế APEC năm 2017 tại tỉnh Thừa Thiên Huế)